VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

Thông tư số 16/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh

(Tiếp theo Công báo số 465 + 466)

Phụ lục IV
QUY TRÌNH PHỐI HỢP ĐỐI SOÁT SỐ LIỆU THANH TOÁN GIỮA ĐƠN VỊ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN VÀ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN, ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN VÀ ĐƠN VỊ MUA ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh)

Chương I
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC NHẬN SỐ LIỆU THANH TOÁN

Điều 1. Trình tự xác nhận, đối soát số liệu thanh toán ngày

1. Trước 09h00 ngày D+2, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tổng hợp các số liệu phục vụ việc tính toán thanh toán cho từng nhà máy điện trong ngày D và cung cấp cho đơn vị mua điện, đơn vị phát điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Đơn vị mua điện và đơn vị phát điện có trách nhiệm sử dụng số liệu do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cung cấp để tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán thị trường của từng nhà máy điện trong ngày D.

2. Trước 16h00 ngày D+2, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm tổng hợp số liệu phục vụ việc tính toán thanh toán thị trường điện và cung cấp cho đơn vị mua điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Đơn vị mua điện có trách nhiệm sử dụng số liệu do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cung cấp để tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán thị trường điện của đơn vị mua điện trong ngày D.

3. Trước 16h00 ngày D+4, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và gửi cho đơn vị phát điện qua Trang thông tin điện tử thị trường điện bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ của nhà máy điện cho ngày giao dịch D.

Đơn vị phát điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán thị trường điện do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện gửi trên cơ sở các số liệu quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định của thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Đơn vị phát điện có trách nhiệm cung cấp cho đơn vị mua điện bản sao phiếu đăng ký lịch sửa chữa đã được phê duyệt (nếu có) và các thông tin vận hành theo Biểu mẫu 17 tại Phụ lục VI Thông tư này để phục vụ việc đối soát, kiểm tra các khoản thanh toán thị trường điện.

4. Trước 16h00 ngày D+5, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện lập và gửi cho các đơn vị mua điện bảng kê thanh toán thị trường điện giao ngay của đơn vị mua điện cho ngày D qua Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Các đơn vị mua điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán thị trường điện do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện gửi trên cơ sở các số liệu quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định của thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

5. Trước 12h00 ngày D+6, đơn vị mua điện và đơn vị phát điện có trách nhiệm xác nhận bảng kê thanh toán thị trường điện theo quy định trên Trang thông tin điện tử thị trường điện và thông báo lại cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện sai sót trong bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ (nếu có).

6. Trước 16h00 ngày D+6, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và gửi cho đơn vị mua điện và các đơn vị phát điện bảng kê thanh toán thị trường điện hoàn chỉnh cho ngày D qua Trang thông tin điện tử thị trường điện. Đơn vị mua điện, đơn vị phát điện có trách nhiệm xác nhận bằng chữ ký điện tử bảng kê thanh toán ngày phục vụ công tác thanh toán cho chu kỳ thanh toán.

Điều 2. Trình tự xác nhận, đối soát số liệu thanh toán trong tháng

1. Sau 02 ngày làm việc đầu tiên của tháng M+1, đơn vị phát điện có trách nhiệm gửi cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hồ sơ xác nhận sự kiện tháng của tháng M. Hồ sơ bao gồm các sự kiện ngày đã thống nhất của tháng M theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này và bảng tổng hợp các sự kiện chưa

thống nhất giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và đơn vị phát điện (nếu có).

2. Trước ngày làm việc thứ 05 của tháng M+1, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm kiểm tra, đối soát hồ sơ xác nhận sự kiện của tháng M và thống nhất với đơn vị phát điện để loại bỏ các sự kiện sai khác hoặc bổ sung các sự kiện (nếu có). Sau khi hai bên đã thống nhất được các sự kiện của tháng M, đơn vị phát điện có trách nhiệm hiệu chỉnh và hoàn thiện hồ sơ gửi Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để công bố trên Trang thông tin điện tử thị trường điện.

Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm ký xác nhận bảng xác nhận sự kiện tháng M. Bảng xác nhận sự kiện tháng M được đơn vị phát điện cung cấp cho đơn vị mua điện.

3. Trước ngày làm việc thứ 11 của tháng M+1, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố trên Trang thông tin điện tử thị trường điện:

a) Biên bản chốt sản lượng chênh lệch giữa tổng sản lượng trong từng chu kỳ giao dịch và sản lượng chốt cho chu kỳ thanh toán; sản lượng đầu nguồn (QL); sản lượng thanh toán theo giá bán buôn nội bộ (Qbst); sản lượng thanh toán trên giá thị trường bán buôn (Qm1, Qm2);

b) Tổng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của từng đơn vị mua buôn điện và tỷ trọng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của đơn vị mua buôn điện.

4. Trước ngày làm việc thứ 14 của tháng M+1, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm lập và phát hành bảng kê thanh toán thị trường điện cho chu kỳ thanh toán cho đơn vị mua điện và đơn vị phát điện.

5. Đơn vị phát điện có trách nhiệm lập và gửi hồ sơ thanh toán thị trường điện, hồ sơ thanh toán khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện, hồ sơ thanh toán các khoản thanh toán khác, bản sao phiếu đăng ký lịch sửa chữa đã được phê duyệt (nếu có) và các thông tin theo Biểu mẫu 16 và Biểu mẫu 17 tại Phụ lục VI Thông tư này phục vụ việc kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán cho đơn vị mua điện theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa đơn vị mua điện và đơn vị phát điện.

Đơn vị mua điện có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các khoản thanh toán do đơn vị phát điện gửi và thông báo lại cho đơn vị phát điện sai sót (nếu có).

6. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm lập và gửi cho đơn vị mua buôn điện hồ sơ thanh toán thị trường điện, hồ sơ thanh toán khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện, hồ sơ thanh toán các khoản thanh toán khác phục vụ việc kiểm tra, đối soát các khoản thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị mua buôn điện.

Đơn vị buôn mua điện có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các khoản thanh toán do Tập đoàn Điện lực Việt Nam gửi và thông báo lại các sai sót (nếu có) cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Chương II
NỘI DUNG KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN

Mục 1
KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN KÝ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN VỚI TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Điều 3. Đối soát bảng kê thanh toán thị trường điện

1. Đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đối soát các bảng kê thanh toán sau:

a) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày của nhà máy điện;

b) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng của nhà máy điện.

2. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày bao gồm:

a) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá điện năng thị trường áp dụng cho đơn vị phát điện trong chu kỳ giao dịch;

b) Khoản thanh toán theo giá công suất thị trường trong chu kỳ giao dịch;

c) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá chào đối với các nhà máy nhiệt điện có giá chào lớn hơn giá trần thị trường trong chu kỳ giao dịch;

d) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát tăng thêm trong chu kỳ giao dịch;

đ) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ trong chu kỳ giao dịch;

e) Khoản thanh toán cho phần sản lượng tương ứng với phần công suất cung cấp cho dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp.

3. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng bao gồm:

a) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá điện năng thị trường trong tháng;

b) Khoản thanh toán theo giá công suất thị trường trong tháng;

c) Khoản thanh toán cho phần sản lượng được thanh toán theo giá chào đối với các nhà máy nhiệt điện có giá chào lớn hơn giá trần thị trường trong tháng;

d) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát tăng thêm trong tháng;

đ) Khoản thanh toán cho phần sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ trong tháng;

e) Khoản thanh toán cho phần sản lượng tương ứng với phần công suất cung cấp cho dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp trong tháng.

Điều 4. Đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện

Nội dung đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

1. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện theo từng chu kỳ giao dịch.

2. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện trong tháng của nhà máy điện.

3. Các số liệu đầu vào phục vụ đối soát bao gồm:

a) Giá hợp đồng tháng M được tính toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

b) Giá thị trường điện toàn phần áp dụng cho đơn vị phát điện của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

c) Sản lượng điện hợp đồng (hoặc sản lượng điện hợp đồng điều chỉnh nếu có) của nhà máy điện trong chu kỳ giao dịch của tháng M đã được ký xác nhận giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị phát điện.

Điều 5. Đối soát các khoản thanh toán khác

1. Nội dung đối soát các khoản thanh toán khác giữa đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Khoản thanh toán chi phí khởi động cho tổ máy nhiệt điện hoặc lò hơi bị buộc phải ngừng trong trường hợp thừa công suất;

b) Khoản thanh toán cho phần chênh lệch sản lượng đo đếm điện năng tháng do tổng điện năng trong các chu kỳ giao dịch chênh lệch so với tổng điện năng trong Biên bản giao nhận điện năng tháng, phần điện năng chênh lệch được thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên;

c) Khoản thanh toán cho nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết dưới 02 ngày gián tiếp tham gia thị trường điện do có kế hoạch đấu nối vào lưới điện mua điện từ nước ngoài căn cứ theo kết quả tính toán vận hành hệ thống điện năm tới của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

d) Khoản thanh toán cho nhà máy điện có tổ máy tách ra ngoài hệ thống điện quốc gia và đấu nối vào lưới điện mua từ nước ngoài (trừ các nhà máy điện tại Điểm c Khoản này);

đ) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy có tổ máy thí nghiệm;

e) Khoản thanh toán cho tổ máy đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt nhưng vẫn phải phát công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để bảo đảm cung cấp điện;

g) Khoản thanh toán cho nhà máy trong trường hợp dừng thị trường điện hoặc can thiệp thị trường điện;

h) Khoản thanh toán cho nhà máy thủy điện trong trường hợp tổ máy phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện vì lý do bảo đảm cung cấp điện;

i) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy điện bị đình chỉ quyền tham gia thị trường điện. Trong trường hợp này, toàn bộ sản lượng điện phát của nhà máy lên lưới được thanh toán theo quy định tại hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên;

k) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy điện có tổ máy tham gia thử nghiệm AGC theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

l) Khoản thanh toán trong trường hợp nhà máy tuabin khí vận hành chu trình đơn hoặc thiếu nhiên liệu chính phải sử dụng một phần hoặc toàn bộ nhiên liệu phụ theo lệnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để bảo đảm cung cấp điện;

m) Các khoản thanh toán khác theo quy định trong hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên.

2. Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thực hiện xác nhận các nội dung theo quy định từ khoản 1 đến khoản 10 Điều 6 Phụ lục này và theo Quy trình tính toán thanh toán trong thị trường điện tại Phụ lục III Thông tư này và Biểu mẫu 17 tại Phụ lục VI Thông tư này.

3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện đối soát các khoản thanh toán khác (nếu có) của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị phát điện gửi kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng căn cứ theo các thông tin sau:

a) Các sự kiện được xác nhận theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này;

b) Các quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

c) Bảng kê thanh toán thị trường điện hàng ngày;

d) Biên bản xác nhận số liệu tổng hợp giao nhận điện năng.

Điều 6. Hồ sơ sự kiện phục vụ thanh toán

Đơn vị phát điện có trách nhiệm gửi cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam các tài liệu như sau (kèm theo trong hồ sơ thanh toán tháng):

1. Các thời điểm liên quan đến việc khởi động, ngừng máy của các tổ máy nhiệt điện để phục vụ việc thanh toán chi phí khởi động và kiểm tra tính toán sản lượng điện năng phát sai khác so với sản lượng huy động theo lệnh điều độ (Qdu) theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm khởi động của tổ máy hoặc lò máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy được thanh toán chi phí khởi động);

b) Nhiên liệu và cấu hình khởi động tổ máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy tuabin khí được thanh toán chi phí khởi động);

c) Chế độ khởi động (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy tuabin khí được thanh toán chi phí khởi động);

d) Thời điểm hoàn thành lệnh hòa lưới tổ máy hoặc thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy;

đ) Thời điểm tổ máy đạt công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hoặc thời điểm tổ máy đạt công suất phát ổn định thấp nhất;

e) Thời điểm bắt đầu thực hiện lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về giá trị 0 (không);

g) Thời điểm hoàn thành lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về giá trị 0 (không) hoặc thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy;

h) Lý do ngừng tổ máy, lò máy (áp dụng đối với các trường hợp tổ máy được thanh toán chi phí khởi động).

2. Các chu kỳ tổ máy, lò máy bị sự cố lớn hơn 72 giờ, sửa chữa bất thường ngoài kế hoạch phục vụ điều chỉnh sản lượng điện hợp đồng trong chu kỳ giao dịch theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy, lò máy bắt đầu sự cố, sửa chữa bất thường ngoài kế hoạch;

b) Thời điểm bắt đầu xem xét điều chỉnh Qc:

- Là chu kỳ giao dịch thứ 145 tính từ chu kỳ giao dịch kế tiếp sau chu kỳ tổ máy, lò máy bị sự cố;

- Là chu kỳ giao dịch tổ máy, lò máy bắt đầu sửa chữa bất thường ngoài kế hoạch.

c) Thời điểm tổ máy, lò máy kết thúc sự cố.

3. Các chu kỳ tổ máy, lò máy kéo dài thời gian sửa chữa so với kế hoạch phục vụ điều chỉnh sản lượng điện hợp đồng trong chu kỳ giao dịch theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy, lò máy bắt đầu sửa chữa theo kế hoạch;

b) Thời điểm tổ máy, lò máy kết thúc sửa chữa theo kế hoạch;

c) Thời điểm tổ máy, lò máy bắt đầu tách ra sửa chữa thực tế;

d) Thời điểm tổ máy, lò máy kết thúc sửa chữa theo thực tế.

4. Các chu kỳ tổ máy kéo dài thời gian khởi động tổ máy tính từ lúc bắt đầu khởi động đến thời điểm hòa lưới lớn hơn 02 giờ so với thời gian khởi động theo quy định tại hợp đồng mua bán điện phục vụ điều chỉnh sản lượng điện hợp đồng trong chu kỳ giao dịch theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

e) Thời điểm tổ máy bắt đầu khởi động;

f) Thời điểm tổ máy kết thúc khởi động theo quy định tại Hợp đồng mua bán điện;

g) Thời điểm tổ máy kết thúc khởi động theo thực tế.

5. Các thời điểm nhà máy nhiệt điện thiếu nhiên liệu theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện nhà máy nhiệt điện thiếu nhiên liệu;

b) Thời điểm kết thúc sự kiện nhà máy nhiệt điện thiếu nhiên liệu;

6. Các thời điểm thí nghiệm của tổ máy theo kế hoạch đã được phê duyệt theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tổ máy bắt đầu thí nghiệm;

b) Thời điểm tổ máy kết thúc thí nghiệm;

c) Tỷ lệ % (phần trăm) nhiên liệu không phải nhiên liệu chính sử dụng để thí nghiệm (được áp dụng đối với các tổ máy tuabin khí);

d) Cấu hình thí nghiệm (được áp dụng với các tổ máy tuabin khí);

đ) Trường hợp Đơn vị phát điện có tổ máy tham gia thử nghiệm AGC cần chú thích rõ là thí nghiệm AGC.

7. Các thời điểm tổ máy tách ra ngoài lưới điện quốc gia và đấu nối vào lưới điện mua từ nước ngoài theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm tách ra ngoài lưới điện quốc gia và đấu nối lưới điện mua từ nước ngoài;

b) Thời điểm tách ra ngoài lưới điện mua từ nước ngoài và đấu nối trở lại lưới điện quốc gia.

8. Khoảng thời gian tổ máy đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt nhưng vẫn phải phát theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

để bảo đảm cung cấp điện theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Thời điểm bắt đầu tổ máy phải vận hành theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện mặc dù kế hoạch ngừng máy đã được phê duyệt;

b) Thời điểm kết thúc việc tổ máy phải phát theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

9. Khoảng thời gian tổ máy thủy điện phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

a) Chu kỳ nhà máy bắt đầu phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Chu kỳ nhà máy kết thúc việc phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá lập lịch huy động chu kỳ giao dịch tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

10. Khoảng thời gian tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi có thời điểm vận hành chu trình đơn theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này.

11. Khoảng thời gian tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để bảo đảm cung cấp điện theo Biểu mẫu 15 tại Phụ lục VI Thông tư này.

12. Bảng xác nhận trong trường hợp sản lượng đo đếm điện năng tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng cung cấp sai khác so với tổng điện năng đo đếm các ngày trong tháng do Đơn vị quản lý số liệu đo đếm điện năng cung cấp.

13. Thông báo bằng văn bản của Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực về việc đình chỉ quyền tham gia thị trường điện (nếu có).

14. Thông báo bằng văn bản của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện về việc dừng thị trường điện hoặc can thiệp thị trường điện (nếu có).

Mục 2
KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN CỦA ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN KÝ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN TRỰC TIẾP VỚI ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN

Điều 7. Đối soát các khoản thanh toán thị trường điện

1. Đơn vị phát điện và đơn vị mua buôn điện có trách nhiệm thực hiện đối soát các khoản thanh toán sau:

a) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày của nhà máy điện;

b) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày giữa đơn vị mua buôn điện và nhà máy điện;

c) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng của nhà máy điện;

d) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng giữa đơn vị mua buôn điện và nhà máy điện.

2. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện của nhà máy điện bao gồm:

a) Các khoản thanh toán thị trường điện trong ngày của nhà máy điện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Phụ lục này;

b) Các khoản thanh toán thị trường điện trong tháng của nhà máy điện: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Phụ lục này.

3. Nội dung đối soát các khoản thanh toán thị trường điện của đơn vị mua buôn điện bao gồm:

a) Khoản thanh toán thị trường điện ngày: Khoản chi phí mua điện theo giá thị trường điện giao ngay của đơn vị mua điện trong chu kỳ giao dịch từ nhà máy điện có hợp đồng mua bán điện với đơn vị mua buôn điện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 93 Thông tư này;

b) Các khoản thanh toán thị trường điện tháng:

- Khoản chi phí mua điện trên thị trường điện giao ngay của đơn vị mua buôn điện trong tháng từ nhà máy điện có hợp đồng mua bán điện với đơn vị mua buôn điện theo quy định tại khoản 1 Điều 94 Thông tư này;

- Khoản chi phí tính toán theo thành phần hiệu chỉnh giá thị trường điện giao ngay từ nhà máy điện có hợp đồng mua bán điện với đơn vị mua buôn điện theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Thông tư này.

4. Đơn vị phát điện thực hiện gửi cho đơn vị mua buôn điện bảng kê thanh toán thị trường điện tháng do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phát hành kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng.

Điều 8. Đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện

Nội dung đối soát khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua buôn điện bao gồm:

1. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện trong từng chu kỳ giao dịch.

2. Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện trong tháng.

3. Các số liệu đầu vào phục vụ đối soát bao gồm:

a) Giá hợp đồng tháng M được tính toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

b) Giá thị trường điện toàn phần áp dụng cho đơn vị phát điện của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

c) Sản lượng điện hợp đồng (hoặc sản lượng điện hợp đồng điều chỉnh nếu có) giữa nhà máy điện với đơn vị mua buôn trong chu kỳ giao dịch của tháng M theo văn bản ký xác nhận giữa đơn vị mua buôn điện và đơn vị phát điện.

Điều 9. Đối soát các khoản thanh toán khác

1. Nội dung đối soát các khoản thanh toán khác đối với đơn vị phát điện ký hợp đồng trực tiếp và đơn vị mua buôn điện bao gồm:

a) Các khoản thanh toán theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm đ, điểm g, điểm k, điểm m khoản 1 Điều 5 Phụ lục này;

b) Các khoản thanh toán khác theo hợp đồng mua bán điện ký giữa hai bên (thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiền thuê đất, các khoản khác).

2. Đơn vị phát điện và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thực hiện xác nhận các nội dung theo quy định từ khoản 1 đến khoản 10 Điều 6 Phụ lục này và theo Quy trình tính toán thanh toán trong thị trường điện tại Phụ lục III Thông tư này.

3. Đơn vị mua buôn điện và đơn vị phát điện thực hiện đối soát các khoản thanh toán khác (nếu có) của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do đơn vị phát điện gửi kèm theo trong hồ sơ thanh toán tiền điện tháng căn cứ theo các thông tin sau:

a) Các sự kiện được xác nhận theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này;

b) Các quy định trong Hợp đồng mua bán điện;

c) Bảng kê thanh toán thị trường điện hàng ngày;

d) Biên bản xác nhận số liệu tổng hợp giao nhận điện năng;

đ) Sản lượng điện năng giao nhận của đơn vị mua buôn điện.

Điều 10. Hồ sơ sự kiện phục vụ thanh toán

Đơn vị phát điện thực hiện gửi cho đơn vị mua buôn điện (kèm theo trong hồ sơ thanh toán tháng) các tài liệu của nhà máy điện ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Điều 6 Phụ lục này.

Mục 3
KIỂM TRA ĐỐI SOÁT CÁC KHOẢN THANH TOÁN ĐỐI VỚI NHÀ MÁY ĐIỆN ĐƯỢC PHÂN BỔ HỢP ĐỒNG

Điều 11. Đối soát các khoản thanh toán của nhà máy điện được phân bổ hợp đồng

Đối soát các khoản thanh toán của nhà máy điện được phân bổ hợp đồng bao gồm:

1. Đối soát các khoản thanh toán của nhà máy điện giữa đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Theo quy định tại Mục 1 Chương này.

2. Đối soát các khoản thanh toán giữa Đơn vị mua buôn điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Theo quy định tại Điều 12 Phụ lục này.

Điều 12. Đối soát thanh toán giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị mua buôn điện

1. Nội dung đối soát thanh toán thị trường điện giữa đơn vị mua buôn điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Khoản thanh toán thị trường điện ngày: Khoản chi phí mua điện theo giá thị trường điện giao ngay của đơn vị mua buôn điện trong chu kỳ giao dịch theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 93 Thông tư này;

b) Khoản thanh toán thị trường điện tháng: Khoản chi phí mua điện trên thị trường điện giao ngay của đơn vị mua buôn điện theo quy định tại khoản 1 Điều 94 Thông tư này.

2. Nội dung đối soát khoản thanh toán sai khác giữa đơn vị mua buôn điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam bao gồm:

a) Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện theo từng chu kỳ giao dịch;

b) Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện của nhà máy điện trong tháng;

c) Các số liệu đầu vào phục vụ đối soát bao gồm:

- Giá hợp đồng của nhà máy điện trong tháng M: Theo quy định trong hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị phát điện;

- Giá thị trường điện toàn phần áp dụng cho đơn vị phát điện của các chu kỳ giao dịch trong tháng M do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố;

- Sản lượng điện hợp đồng tháng M của nhà máy điện được xác định theo quy định tại Thông tư này;

- Sản lượng điện hợp đồng tháng M phân bổ từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho đơn vị mua buôn điện được xác định theo quy định tại Thông tư này;

- Sản lượng điện hợp đồng từng chu kỳ giao dịch trong tháng M phân bổ từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho đơn vị mua buôn điện theo quy định tại Thông tư này.

DANH MỤC SƠ ĐỒ

(Kèm theo Phụ lục IV. Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện)

STT	TÊN SƠ ĐỒ
Sơ đồ 01	Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của nhà máy điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Đơn vị mua buôn điện
Sơ đồ 02	Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của Đơn vị mua buôn với Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Sơ đồ 03	Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán ngày
Sơ đồ 04	Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán tháng

Sơ đồ 01 - Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của nhà máy điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Đơn vị mua buôn điện

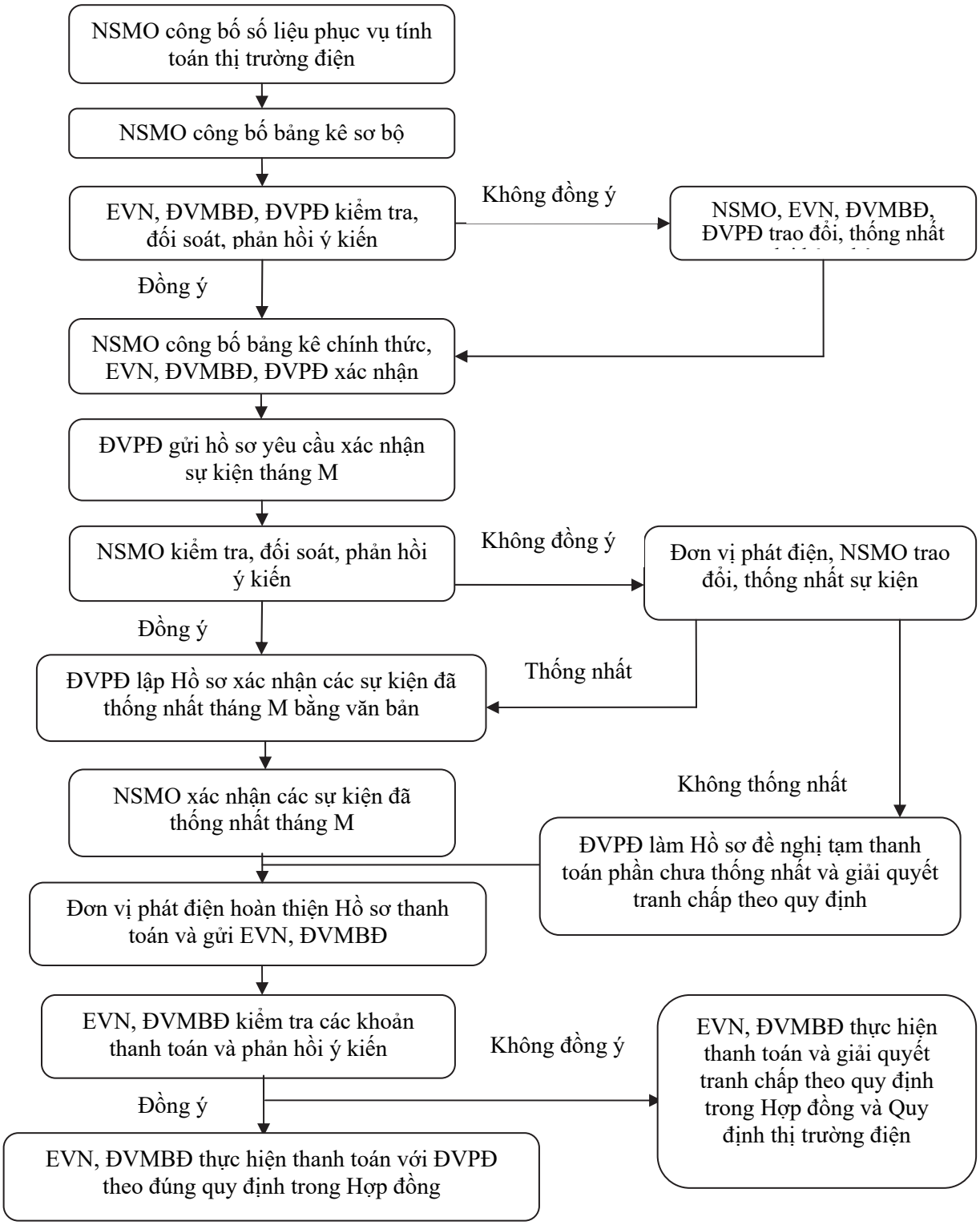

Sơ đồ 02 - Lưu đồ xác nhận đối soát số liệu thanh toán của Đơn vị mua buôn với Tập đoàn Điện lực Việt Nam

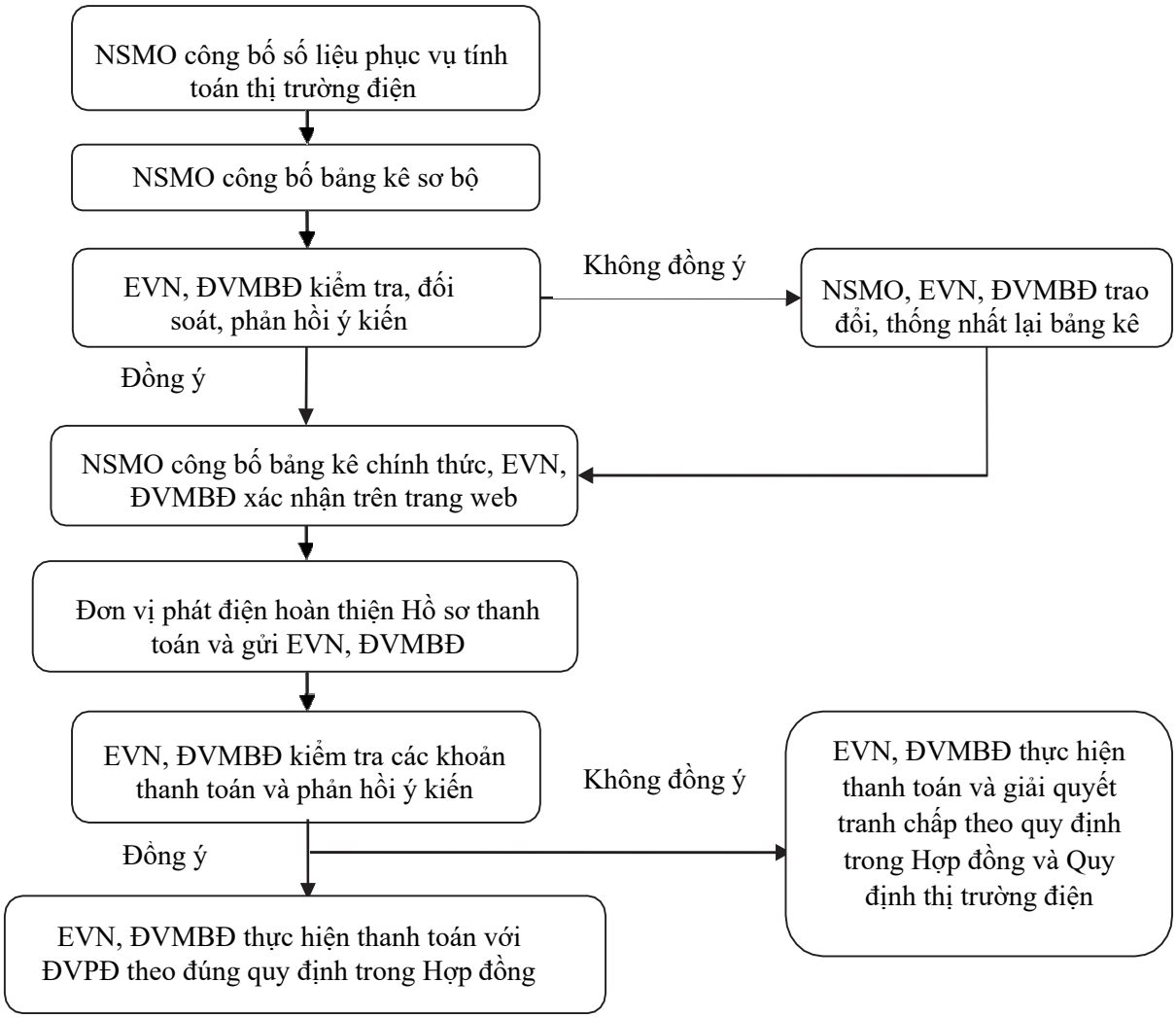

Sơ đồ 03 - Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán ngày

Thời hạn	Đơn vị thực hiện	Nội dung
Trước Ngày D+2	NSMO	Công bố sự kiện đã được thống nhất lên Trang thông tin điện tử thị trường điện.
Trước 9h00 Ngày D+2	NSMO	Cung cấp các số liệu phục vụ tính toán thanh toán thị trường điện ngày D cho ĐVPĐ.
Trước 16h00 Ngày D+2	NSMO	Cung cấp các số liệu phục vụ tính toán thanh toán thị trường điện ngày D cho ĐVMĐ.
Trước 16h00 Ngày D+4	NSMO	Lập và gửi bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ cho ngày D cho ĐVPĐ.
Trước 16h00 Ngày D+5	NSMO	Lập và gửi bảng kê thanh toán thị trường điện sơ bộ cho ngày D cho ĐVMĐ.
Trước 16h00 Ngày D+4	ĐVPĐ	Gửi cho EVN, ĐVMBĐ các tài liệu liên quan đến tình hình phát điện (sự cố, sửa chữa tổ máy,...).
Trước 12h00 Ngày D+6	EVN, ĐVMBĐ, ĐVPĐ	Xác nhận bảng kê thanh toán thị trường điện ngày D, thông báo lại cho NSMO các sai sót (nếu có).
Trước 16h00 Ngày D+6	NSMO	Lập và gửi cho EVN, ĐVMBĐ và ĐVPĐ bảng kê thanh toán thị trường điện hoàn chỉnh cho ngày D.

Chú thích:

NSMO: Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

ĐVPĐ: Đơn vị phát điện;

ĐVMBĐ: Đơn vị mua buôn điện.

Sơ đồ 04 - Thời gian biểu kiểm tra, đối soát số liệu thanh toán tháng

Thời hạn	Đơn vị thực hiện	Nội dung
Sau 02 ngày làm việc đầu tiên của tháng M+1	ĐVPĐ	Gửi Hồ sơ yêu cầu xác nhận các sự kiện trong tháng M.
Sau 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng M+1	NSMO	Kiểm tra, đối soát, phản hồi ý kiến.
Trong thời hạn 10 ngày làm việc của tháng M+1	NSMO	Công bố chênh lệch giữa tổng sản lượng trong từng chu kỳ giao dịch và sản lượng chốt chu kỳ thanh toán, sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn và tỷ trọng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của ĐVMBĐ.
Trong thời hạn 13 ngày làm việc của tháng M+1	NSMO	Lập và phát hành bảng kê thanh toán thị trường điện tháng M.
Trước thời hạn thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện	EVN, ĐVMBĐ, ĐVPĐ	Thực hiện các thủ tục thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua bán điện và Quy định thị trường điện.

Chú thích:

NSMO: Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

ĐVPĐ: Đơn vị phát điện;

ĐVMBĐ: Đơn vị mua buôn điện

Phụ lục V
QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỀU HÀNH THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh)

Chương I
HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Điều 1. Cấu trúc hệ thống công nghệ thông tin thị trường điện

Hệ thống công nghệ thông tin thị trường điện bao gồm các thành phần cơ bản sau:

1. Hệ thống thông tin thị trường điện.

2. Hệ thống SCADA/EMS.

3. Hệ thống đo đếm, thu thập, quản lý số liệu đo đếm điện năng và chữ ký số.

Điều 2. Cấu trúc hệ thống thông tin thị trường điện

1. Hệ thống thông tin thị trường điện bao gồm:

a) Hệ thống phần cứng và phần mềm phục vụ quản lý, trao đổi và bảo mật thông tin thị trường điện;

b) Hệ thống cơ sở dữ liệu và lưu trữ;

c) Cổng thông tin điện tử thị trường điện, bao gồm cả trang thông tin điện tử nội bộ và trang thông tin điện tử công cộng.

2. Hệ thống phần cứng và phần mềm phục vụ quản lý, trao đổi và bảo mật thông tin thị trường điện bao gồm:

a) Hệ thống mạng kết nối thông tin nội bộ thị trường điện: Phục vụ kết nối trao đổi thông tin, truyền dẫn số liệu giữa các hệ thống công nghệ thông tin con với nhau;

b) Hệ thống chào giá: Phục vụ lập, gửi, lưu trữ và quản lý các bản chào giá;

c) Hệ thống quản lý lệnh điều độ: Phục vụ truyền, nhận và lưu trữ các lệnh điều độ phục vụ vận hành hệ thống điện;

d) Hệ thống tính toán thanh toán thị trường điện: Phục vụ tính toán các khoản thanh toán giá công suất, điện năng và các khoản thanh toán khác trong thị trường điện;

đ) Hệ thống quản lý thông tin Thành viên tham gia thị trường điện: Phục vụ quản lý các thông tin đăng ký và trạng thái tham gia vận hành thị trường điện của các Thành viên tham gia thị trường điện;

e) Hệ thống lập kế hoạch vận hành hệ thống điện: Phục vụ lập Phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia năm tới, tháng tới và tuần tới theo quy định Quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành;

g) Hệ thống lập kế hoạch vận hành thị trường điện: Phục vụ lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm tới, tháng tới và tuần tới theo quy định tại Thông tư quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh;

h) Hệ thống lập lịch huy động: Phục vụ lập lịch huy động các tổ máy phát điện cho ngày tới và chu kỳ giao dịch tới;

i) Hệ thống quản lý thông tin can thiệp và dừng thị trường: Phục vụ quản lý các thông tin vận hành thị trường điện và hệ thống điện trong các trường hợp có can thiệp và dừng thị trường điện;

k) Hệ thống hỗ trợ thanh toán thị trường điện: Phục vụ các hoạt động trong quá trình thanh toán giữa các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện;

l) Hệ thống giám sát hoạt động thị trường điện: Phục vụ công tác giám sát các hoạt động vận hành, giao dịch trong thị trường điện.

3. Hệ thống cơ sở dữ liệu trung tâm: Phục vụ lưu trữ toàn bộ các dữ liệu quá khứ, các số liệu đầu vào và kết quả tính toán của các chương trình phần mềm trong quá trình vận hành thị trường điện, vận hành hệ thống điện và tính toán thanh toán.

4. Cổng thông tin điện tử thị trường điện: Phục vụ hoạt động giao dịch của các Thành viên tham gia thị trường điện và công bố thông tin vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

Điều 3. Cấu trúc hệ thống SCADA/EMS

Hệ thống thu thập dữ liệu, giám sát, điều khiển và quản lý năng lượng (SCADA/EMS): Phục vụ điều khiển, giám sát và thu thập số liệu trạng thái hoạt động của các thiết bị tại từng thời điểm vận hành của hệ thống điện.

Điều 4. Cấu trúc hệ thống đo đếm, thu thập, quản lý số liệu đo đếm điện năng và chữ ký số

1. Hệ thống thu thập và xử lý số liệu đo đếm điện năng: Phục vụ thu thập, xử lý và lưu trữ số liệu đo đếm cho vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

2. Hệ thống chữ ký số: Phục vụ ký nhận chữ ký điện tử vào các tài liệu hoặc văn bản dạng bản mềm để xác nhận nội dung gốc của tài liệu hoặc văn bản đó.

Điều 5. Trách nhiệm của các đơn vị trong việc quản lý và vận hành hệ thống thông tin thị trường điện

1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm:

a) Quản lý vận hành hệ thống thông tin thị trường điện;

b) Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện chỉ được vận hành hoặc thay đổi hệ thống thông tin thị trường điện hiện có sau khi đã nghiệm thu hoàn chỉnh và được Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực thông qua;

c) Xây dựng, quản lý hệ thống bảo mật thông tin đảm bảo an toàn, bảo mật các thông tin thị trường điện.

2. Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện tham gia thị trường điện có trách nhiệm:

a) Chủ động phối hợp với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đấu nối vào hệ thống thông tin thị trường điện (bao gồm: Hệ thống chào giá, hệ thống quản lý lệnh điều độ, hệ thống hỗ trợ thanh toán thị trường điện, hệ thống mạng kết nối thông tin nội bộ thị trường điện), hệ thống SCADA/EMS, hệ thống đo đếm điện năng và chữ ký số đáp ứng yêu cầu vận hành của thị trường điện và các hệ thống khác theo quy định;

b) Quản lý, vận hành các phần mềm hỗ trợ được cài đặt tại đơn vị mình phục vụ vận hành thị trường điện, bao gồm:

- Hệ thống chào giá (đối với Đơn vị phát điện giao dịch trực tiếp);

- Hệ thống hỗ trợ thanh toán thị trường điện (đối với Đơn vị phát điện giao dịch trực tiếp);

- Hệ thống quản lý lệnh điều độ;

- Hệ thống chữ ký số.

3. Đơn vị truyền tải điện có trách nhiệm:

a) Quản lý, vận hành các trang thiết bị đầu cuối phục vụ vận hành hệ thống thu thập dữ liệu, giám sát, điều khiển và quản lý năng lượng;

b) Cung cấp thông tin về độ sẵn sàng của lưới truyền tải cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phục vụ tính toán trong thị trường điện.

Điều 6. Yêu cầu đối với phần mềm cho hoạt động của thị trường điện

1. Đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy, tính bảo mật và đáp ứng được các tiêu chuẩn do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xây dựng.

2. Có đầy đủ các hướng dẫn kỹ thuật, quy trình vận hành kèm theo.

Điều 7. Xây dựng và phát triển các phần mềm cho hoạt động của thị trường điện

Việc xây dựng và phát triển các phần mềm cho hoạt động của thị trường điện được thực hiện theo quy định tại Điều 115 Thông tư này.

Điều 8. Kiểm toán phần mềm

Việc kiểm toán các phần mềm phục vụ thị trường điện được thực hiện theo quy định tại Điều 116 Thông tư này.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Điều 9. Cổng thông tin điện tử thị trường điện

1. Công bố các thông tin vận hành thị trường điện:

a) Kế hoạch vận hành năm, tháng, tuần;

b) Vận hành thị trường điện ngày, chu kỳ giao dịch tới;

c) Kết quả và thanh toán trong thị trường điện;

d) Trạng thái vận hành hệ thống và can thiệp thị trường.

2. Công bố các thông tin vận hành hệ thống điện:

a) Báo cáo vận hành, đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện;

b) Đăng ký công suất, lịch sửa chữa theo quy định về lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện và nhà máy điện trong hệ thống điện quốc gia tại Quy định hệ

thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng và Quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành;

c) Tiến độ nguồn mới, lưới điện mới;

d) Sản lượng thực tế vận hành của các nguồn điện trong hệ thống;

đ) Các ràng buộc trong vận hành, bao gồm: bao tiêu của các nhà máy điện BOT, ràng buộc tiêu thụ nhiên liệu được chuyển ngang cơ quan quản lý nhà nước cho phép từ hợp đồng mua bán nhiên liệu sang hợp đồng mua bán điện, giới hạn truyền tải liên kết vùng, cấu hình nguồn tối thiểu, ràng buộc hệ thống cung cấp nhiên liệu, ràng buộc thủy văn và các ràng buộc khác (nếu có).

3. Công bố các thông tin khác:

a) Thông tin chung về hệ thống điện Việt Nam: Tổng công suất nguồn đặt, nhu cầu phụ tải, cơ cấu nguồn điện, hệ thống lưới điện và các cấp điện áp được cập nhật và công bố vào ngày cuối tháng hàng quý;

b) Thông tin về các thành viên tham gia thị trường điện;

c) Các văn bản pháp lý về vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

d) Phụ tải từng chu kỳ hệ thống điện quốc gia và hệ thống điện miền Bắc, Trung, Nam ngày D-2;

đ) Số liệu thống kê về giá thị trường điện tháng M-2 trong từng chu kỳ;

e) Báo cáo vận hành ngày D-1, tuần T-1, tháng M-1, năm N-1.

4. Phục vụ công tác chào giá của các đơn vị và trao đổi thông tin thị trường điện giữa các đơn vị tham gia thị trường và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

5. Cổng thông tin điện tử thị trường điện bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử nội bộ;

b) Trang thông tin điện tử công cộng: Địa chỉ cụ thể các cổng thông tin điện tử thị trường điện sẽ do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thông báo.

Điều 10. Quy định về tài khoản người dùng

1. Đăng ký tài khoản người dùng

a) Các đơn vị được quy định tại Điều 2 Thông tư này phải đăng ký tài khoản người dùng với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Khi có yêu cầu cấp tài khoản truy cập, các đơn vị điền đầy đủ thông tin đăng ký vào biểu mẫu Đăng ký cấp tài khoản truy cập theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 18 tại Phụ lục VI Thông tư này và gửi đến Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo đường công văn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký từ các đơn vị, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xem xét và chấp thuận cấp tài khoản truy cập khi các thông tin đăng ký đầy đủ và đúng quy định.

3. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xây dựng tên tài khoản người dùng và mật khẩu truy cập căn cứ trên bản đăng ký này.

4. Mỗi đơn vị được cấp tài khoản người dùng để truy cập hệ thống thông tin thị trường phục vụ khai thác các thông tin:

a) Thông tin thị trường điện;

b) Thông tin vận hành hệ thống điện;

c) Thông tin lịch sửa chữa thiết bị điện.

5. Quy định về tài khoản người dùng

a) Tài khoản người dùng của đơn vị hay cá nhân được định dạng căn cứ trên thông tin về tên đơn vị hoặc cá nhân đó;

b) Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm quy định định dạng tên tài khoản người dùng và tạo tên cho các tài khoản người dùng.

6. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thông báo các thông tin về tài khoản người dùng tới đối tượng sử dụng bằng email đã đăng ký hoặc văn bản và yêu cầu thay đổi mật khẩu trong lần truy cập đầu tiên sau khi chấp thuận bản đăng ký tài khoản người dùng.

7. Các đơn vị, cá nhân sử dụng tài khoản người dùng có trách nhiệm bảo mật thông tin của tài khoản theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại đơn vị.

8. Trường hợp có yêu cầu cấp lại tài khoản truy cập thì các đơn vị, cá nhân có yêu cầu phải điền đầy đủ thông tin vào biểu mẫu Đăng ký cấp lại tài khoản truy cập người dùng theo Biểu mẫu 19 tại Phụ lục VI Thông tư này, trong đó phải nêu rõ lý do cấp lại, gửi văn bản và email đến Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản hoặc email đăng ký cấp lại, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm xem xét và chấp nhận cung cấp lại tài khoản truy cập nếu thông tin đăng ký đầy đủ và đúng quy định.

Điều 11. Quy định về quản trị tài khoản người dùng truy cập cổng thông tin điện tử

1. Quy định các nhóm quyền truy cập cổng thông tin điện tử

a) Nhóm quyền Quản trị là nhóm quyền được phép quản lý, cập nhật, sửa đổi toàn bộ nội dung cổng thông tin điện tử, phân quyền truy cập cho toàn bộ tài khoản người dùng;

b) Nhóm quyền Truy cập 1 là nhóm quyền được xem, khai thác các thông tin trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo quy định, được áp dụng đối với các tài khoản người dùng của đơn vị quản lý, giám sát thông tin vận hành thị trường;

c) Nhóm quyền Truy cập 2 là nhóm quyền được xem, khai thác thông tin hạn chế, được cung cấp, sửa đổi các thông tin, tài liệu hạn chế trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo quy định, được áp dụng đối với các tài khoản người dùng là các đơn vị tham gia thị trường điện;

d) Nhóm quyền Truy cập 3 là nhóm quyền được xem các thông tin hạn chế trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo quy định, được áp dụng đối với các tài khoản người dùng tổ chức hoặc cá nhân theo nhiệm vụ, chức năng của tài khoản sử dụng;

đ) Nhóm quyền Chào giá là nhóm quyền được gửi bản chào giá, được xem và cung cấp các thông tin hạn chế trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo quy định, được áp dụng đối với các tài khoản người dùng là các đơn vị tham gia thị trường điện có chức năng chào giá trong thị trường;

e) Nhóm quyền Vận hành hệ thống là nhóm quyền được cung cấp, sửa đổi và khai thác các thông tin vận hành hệ thống, được xem toàn bộ các thông tin về vận hành hệ thống, được xem hạn chế thông tin vận hành thị trường trên Cổng thông tin điện tử, được áp dụng đối với các tài khoản người dùng thuộc Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Quyền của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

a) Quy định quyền truy cập các thông tin công bố của từng nhóm quyền theo quy định tại Bảng 01 và Bảng 02 Phụ lục này;

b) Trong trường hợp đơn vị đăng ký muốn thay đổi về quyền của tài khoản người dùng truy cập Cổng thông tin điện tử thị trường điện mà Phụ lục này chưa quy định phải được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện chấp thuận.

Điều 12. Quy định về cung cấp, công bố và khai thác thông tin

1. Đơn vị phát điện, Đơn vị mua điện và Đơn vị truyền tải điện có trách nhiệm cung cấp cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện các thông tin, số liệu phục vụ lập kế hoạch vận hành, lập lịch huy động và tính toán thanh toán qua Cổng thông tin điện tử thị trường điện. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm quản lý các thông tin này.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm cung cấp và công bố thông tin, số liệu và các báo cáo vận hành thị trường điện cho các thành viên tham gia thị trường điện qua Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

3. Trong trường hợp xảy ra lỗi không truy cập được Cổng thông tin điện tử thị trường điện, các đơn vị cung cấp, công bố thông tin hoặc xác nhận số liệu đo đếm, số liệu thanh toán qua các kênh thông tin liên lạc dự phòng theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Gửi thư điện tử;

b) Gọi điện thoại.

4. Các đơn vị có trách nhiệm đăng ký với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện các phương tiện thông tin liên lạc dự phòng để nhận thông tin công bố từ Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thư điện tử;

b) Điện thoại.

5. Thông tin cung cấp và công bố của các đơn vị trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện phải đúng thời gian, nội dung, Biểu mẫu tại Phụ lục VI Thông tư này.

6. Cách thức cung cấp và công bố thông tin do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hướng dẫn bằng văn bản được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện. Các đơn vị truy cập vào Cổng thông tin điện tử thị trường điện để tải xuống các bản hướng dẫn này và sử dụng trong quá trình cung cấp và công bố thông tin.

7. Các thông tin, tài liệu khác khi đăng trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện phải được sự chấp thuận của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện với nội dung không trái pháp luật, các quy định của Bộ Công Thương và các quy định tại Phụ lục này.

Điều 13. Trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của thông tin thị trường điện

Trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của thông tin thị trường điện được thực hiện theo quy định tại Điều 120 Thông tư này.

Điều 14. Quy định bảo mật thông tin thị trường điện

1. Việc bảo mật thông tin thị trường điện được thực hiện theo quy định tại Điều 121, Điều 122 Thông tư này và khoản 2, 3 Điều này.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện không được tiết lộ các thông tin do thành viên tham gia thị trường điện cung cấp, bao gồm:

a) Thông tin về hợp đồng mua bán điện;

b) Bản chào giá của Đơn vị phát điện trước khi kết thúc ngày giao dịch;

c) Các thông tin khác ngoài thẩm quyền.

3. Trường hợp tài khoản người dùng vi phạm các quy định về công bố, khai thác thông tin, bảo mật thông tin thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xem xét việc tạm ngừng hoặc hủy quyền

truy cập Cổng thông tin điện tử thị trường điện đối với tài khoản người dùng vi phạm. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thông báo tới đơn vị có tài khoản người dùng vi phạm về hành vi vi phạm và thông báo thông tin này trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện. Đơn vị vi phạm có quyền khiếu nại đến Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện; Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm trả lời sau 05 ngày làm việc.

Điều 15. Lưu trữ thông tin, tài liệu vận hành hệ thống điện và thị trường điện

1. Các thông tin liên quan tới vận hành hệ thống điện và thị trường điện phải được lưu tại hệ thống cơ sở dữ liệu trung tâm bao gồm hệ thống lưu trữ chính và dự phòng.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống lưu trữ thông tin chính và dự phòng.

3. Tần suất sao lưu phụ thuộc vào loại thông tin lưu trữ. Đối với thông tin vận hành thị trường điện, tần suất tối thiểu là 01 lần/ngày, đối với các thông tin khác do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quy định.

4. Thời gian lưu trữ các thông tin ít nhất là 05 năm.

Chương III
THÔNG TIN BẢO ĐẢM CUNG CẤP ĐIỆN

Điều 16. Thông tin đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện ngày tới

1. Thông tin đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện ngày tới của các đơn vị được công bố chính thức qua Cổng thông tin điện tử thị trường điện. Nội dung và thời gian cung cấp, công bố thông tin thực hiện theo quy định về thực hiện đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện trung hạn và ngắn hạn tại Quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

2. Cách thức cung cấp và công bố thông tin đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện

a) Đơn vị phát điện, Đơn vị truyền tải điện, Đơn vị mua điện đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử thị trường điện để cung cấp các thông tin phục vụ đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện;

b) Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử thị trường điện để công bố các thông tin đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện.

3. Các đơn vị không được phép chia sẻ thông tin đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện của mình cho đơn vị khác. Thông tin đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện là thông tin công khai đối với các thành viên tham gia thị trường.

Điều 17. Thông báo suy giảm bảo đảm cung cấp điện

1. Tại bất kỳ thời điểm nào, khi nhận thấy có tín hiệu rủi ro làm suy giảm bảo đảm cung cấp điện, trên cơ sở đánh giá suy giảm bảo đảm cung cấp điện theo kế hoạch vận hành hệ thống điện ngày tới, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phải gửi ngay thông báo lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện về tình trạng giảm mức độ an toàn của hệ thống những thông tin sau:

a) Tình trạng suy giảm bảo đảm cung cấp điện;

b) Nguyên nhân;

c) Phụ tải có khả năng bị sa thải;

d) Các đơn vị và khu vực chịu ảnh hưởng.

Điều 18. Các chế độ vận hành hệ thống

1. Các chế độ vận hành hệ thống điện truyền tải bao gồm:

a) Chế độ vận hành bình thường;

b) Chế độ vận hành cảnh báo;

c) Chế độ vận hành khẩn cấp;

d) Chế độ vận hành cực kỳ khẩn cấp;

đ) Chế độ khôi phục.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cập nhật chế độ vận hành hệ thống lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

3. Thông tin về chế độ vận hành hệ thống được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện là thông tin công khai đối với các thành viên tham gia vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

Chương II
THÔNG TIN LẬP KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỊ TRƯỜNG ĐIỆN NĂM, THÁNG, TUẦN

Điều 19. Quy định chung về cung cấp và công bố thông tin lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm, tháng, tuần

1. Các thông tin về lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm, tháng, tuần do các thành viên tham gia thị trường cung cấp được công bố lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

2. Các thông tin được cung cấp và công bố trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện gồm có thông tin chung và thông tin riêng

a) Thông tin chung là thông tin công khai, tất cả các thành viên đều có thể biết;

b) Thông tin riêng là thông tin nội bộ, thông tin của thành viên nào chỉ riêng thành viên đó và Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện biết.

3. Đơn vị phát điện, Đơn vị mua điện, Đơn vị truyền tải điện có trách nhiệm cung cấp các thông tin phục vụ công tác lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm, tháng, tuần cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

4. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố thông tin kế hoạch vận hành thị trường điện năm, tháng, tuần tới.

5. Đơn vị sử dụng tài khoản người dùng đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử thị trường điện để cung cấp và công bố thông tin.

6. Nội dung và thời gian cung cấp, công bố thông tin của các đơn vị thực hiện theo quy định về Quy trình lập kế hoạch vận hành thị trường điện tại Phụ lục I Thông tư này.

Điều 20. Thông tin lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm tới

1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường có trách nhiệm công bố các thông tin chung cho các thành viên tham gia thị trường bao gồm:

a) Phụ tải dự báo từng miền Bắc, Trung, Nam và cho toàn hệ thống điện quốc gia;

b) Tổng phụ tải dự báo của các đơn vị mua buôn điện trong từng chu kỳ giao dịch;

c) Các số liệu thủy văn và các ràng buộc huy động của các hồ chứa thủy điện được dùng để tính toán mô phỏng thị trường điện;

d) Tiến độ đưa các nhà máy điện mới vào vận hành;

đ) Các thông số kỹ thuật về lưới điện truyền tải;

e) Biểu đồ xuất, nhập khẩu điện dự kiến;

g) Lịch bảo dưỡng, sửa chữa năm của các nhà máy điện, lưới điện truyền tải và nguồn cấp khí lớn; Các ràng buộc trong vận hành nguồn, lưới điện dẫn đến phải huy động một hoặc một vài nhà máy điện trong hệ thống. Sản lượng bao tiêu của các nhà máy điện BOT hoặc ràng buộc tiêu thụ nhiên liệu được chuyển ngang cơ quan quản lý nhà nước cho phép từ hợp đồng mua bán nhiên liệu sang hợp đồng mua bán điện.

h) Giá điện năng thị trường dự kiến cho từng chu kỳ giao dịch áp dụng cho Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn điện;

i) Kết quả lựa chọn Nhà máy điện mới tốt nhất;

k) Giá công suất thị trường từng chu kỳ giao dịch;

l) Mức trần của giá điện năng thị trường;

m) Danh sách các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu;

n) Cảnh báo suy giảm bảo đảm cung cấp điện (nếu có);

o) Các giải pháp để đảm bảo vận hành hệ thống điện ổn định, an toàn, tin cậy.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường có trách nhiệm công bố các thông tin riêng cho từng Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện bao gồm:

a) Giá trị nước của các nhà máy thủy điện;

b) Kết quả phân loại nhà máy nhiệt điện;

c) Giá trần bản chào các tổ máy nhiệt điện;

d) Số liệu về giá biến đổi của nhà máy nhiệt điện được dùng trong tính toán mô phỏng;

đ) Tỷ lệ sản lượng điện năng theo giá hợp đồng, sản lượng điện hợp đồng tối thiểu năm và sản lượng điện hợp đồng tối thiểu phân bổ vào các tháng của từng nhà máy điện;

e) Sản lượng phát điện dự kiến trong mô phỏng thị trường điện của nhà máy điện cho từng chu kỳ giao dịch.

3. Các thành viên tham gia thị trường điện có trách nhiệm:

a) Cung cấp thỏa thuận sản lượng điện hợp đồng, các thông tin của đơn vị mình cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để phục vụ tính toán lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm tới theo nội dung và thời gian biểu quy định tại Quy trình lập kế hoạch vận hành thị trường điện tại Phụ lục I Thông tư này.

b) Kiểm tra các thông tin đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện và có phản hồi với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện nếu thông tin không đầy đủ hoặc thiếu chính xác.

Điều 21. Thông tin kế hoạch vận hành thị trường điện tháng tới

1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố các thông tin chung và thông tin riêng cho các thành viên tham gia thị trường theo quy định tại Điều 43 Thông tư này.

2. Các đơn vị tham gia thị trường điện có trách nhiệm:

a) Trường hợp Đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam thống nhất về sản lượng điện hợp đồng từng tháng trong năm: Trước ngày 15 tháng 11 năm N, các đơn vị cung cấp số liệu sản lượng điện hợp đồng từng tháng trong năm N+1 cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để phân bổ sản lượng điện hợp đồng vào từng chu kỳ giao dịch. Trong năm N+1, trường hợp Đơn vị phát điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam có thỏa thuận, thống nhất về điều chỉnh sản lượng điện hợp đồng tháng M, các đơn vị có trách nhiệm cung cấp sản lượng điện hợp đồng điều chỉnh này cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trước

ngày 20 tháng M-1 trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện và xác nhận bằng chữ ký số;

b) Cung cấp thông tin cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện tính toán lập kế hoạch vận hành thị trường điện tháng tới theo nội dung và thời gian biểu quy định tại Quy trình lập kế hoạch vận hành thị trường điện tại Phụ lục I Thông tư này;

c) Các nhà máy điện công bố bản chào giá mặc định tháng tới cho từng tổ máy;

d) Đơn vị mua điện và Đơn vị phát điện có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hoàn thành kiểm tra các sai lệch trong kết quả tính toán sản lượng điện hợp đồng từng chu kỳ giao dịch trong tháng tới ít nhất 03 ngày trước ngày cuối cùng của tháng M. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm gửi kết quả tính toán sản lượng điện hợp đồng từng chu kỳ giao dịch chính thức trong tháng cho Đơn vị mua điện và Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch ít nhất 03 ngày trước ngày cuối cùng của tháng M.

Điều 22. Thông tin kế hoạch vận hành thị trường điện tuần tới

1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố các thông tin chung cho các thành viên tham gia thị trường, bao gồm:

a) Phụ tải dự báo tuần tới từng miền Bắc, Trung, Nam và cho toàn hệ thống điện quốc gia;

b) Kế hoạch xuất, nhập khẩu điện tuần tới;

c) Giá trị nước và sản lượng dự kiến hàng giờ của các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu;

d) Giá thị trường điện dự kiến từng chu kỳ tuần tới áp dụng cho các Đơn vị phát điện và các Đơn vị mua điện;

đ) Chi phí biến đổi của tổ máy nhiệt điện chạy dầu DO đắt nhất trong hệ thống điện;

e) Danh sách các tổ máy phát điện dự kiến dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp cho tuần tới.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố các thông tin riêng cho từng Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện bao gồm:

a) Giá trị nước của các nhóm nhà máy thủy điện bậc thang, các nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết từ 02 ngày trở lên;

b) Mực nước giới hạn tuần của các hồ chứa máy thủy điện có khả năng điều tiết từ 02 ngày trở lên theo quy định về thực hiện đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện trung hạn và ngắn hạn tại Quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành;

c) Sản lượng dự kiến từng chu kỳ giao dịch của các nhà máy thủy điện có hồ chứa dưới 02 ngày.

3. Các đơn vị tham gia thị trường điện có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện tính toán lập kế hoạch vận hành tuần tới theo nội dung và thời gian biểu quy định tại Quy trình lập kế hoạch vận hành thị trường điện tại Phụ lục I Thông tư này;

b) Kiểm tra các thông tin đã được công bố trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện và có phản hồi với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện nếu thông tin không đầy đủ hoặc thiếu chính xác.

Chương III
THÔNG TIN VẬN HÀNH THỊ TRƯỜNG ĐIỆN NGÀY TỚI, CHU KỲ GIAO DỊCH TỚI VÀ SAU VẬN HÀNH

Điều 23. Quy định chung về cung cấp và công bố thông tin lập vận hành thị trường điện ngày tới, chu kỳ giao dịch tới

1. Thông tin về lập lịch huy động ngày tới, chu kỳ giao dịch tới do các đơn vị tham gia thị trường cung cấp được công bố lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm:

a) Cung cấp các thông tin vận hành hệ thống điện và thị trường điện lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo thời gian quy định, làm cơ sở cho các đơn vị chào giá;

b) Công bố thông tin vận hành ngày tới, chu kỳ giao dịch tới lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

3. Các Đơn vị phát điện tham gia thị trường sử dụng tài khoản chào giá và phần mềm chào giá để gửi bản chào giá cho từng tổ máy của đơn vị mình lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

4. Nội dung và thời gian cung cấp, công bố thông tin của các đơn vị thực hiện theo quy định về Quy trình lập lịch huy động và vận hành thời gian thực tại Phụ lục II Thông tư này.

Điều 24. Thông tin vận hành thị trường điện ngày tới

1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm cung cấp các thông tin phục vụ cho vận hành thị trường điện ngày tới làm cơ sở cho các đơn vị tham gia thị trường chào giá theo quy định tại Điều 48 Thông tư này.

2. Các đơn vị trực tiếp tham gia thị trường điện có trách nhiệm nộp bản chào giá lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện, làm cơ sở cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện lập lịch huy động ngày tới, cụ thể như sau:

a) Mẫu bản chào tương ứng với từng loại hình nhà máy, thời hạn nộp bản chào được quy định về Quy trình lập lịch huy động và vận hành thời gian thực tại Phụ lục II Thông tư này;

b) Trường hợp không chào giá được trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện, các đơn vị có thể gửi bản chào theo thứ tự ưu tiên qua các phương tiện thông tin liên lạc dự phòng được quy định tại khoản 3 Điều 12 Phụ lục này.

3. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố lịch huy động ngày tới lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo quy định tại Điều 56 Thông tư này.

Điều 25. Thông tin vận hành thị trường điện chu kỳ giao dịch tới

1. Đơn vị chào giá được phép sửa đổi và nộp lại bản chào giá ngày tới hoặc cho các chu kỳ giao dịch còn lại trong ngày D cho Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện ít nhất 30 phút trước chu kỳ giao dịch có thay đổi bản chào giá.

2. Quy định về bản chào giá sửa đổi được quy định tại Điều 49 Thông tư này.

3. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố lịch huy động chu kỳ giao dịch tới lên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo quy định tại Điều 63 Thông tư này.

Điều 26. Thông tin trong vận hành thời gian thực

1. Trước 10h00 thứ Hai hàng tuần, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố kết quả vận hành thực tế cho tuần W-1, bao gồm các thông tin:

a) Phụ tải thực tế từng chu kỳ của toàn hệ thống điện quốc gia và các miền Bắc, Trung, Nam;

b) Công suất huy động thực tế các tổ máy phát điện;

c) Giá thị trường chu kỳ tới;

d) Các thông tin về việc điều chỉnh công suất công bố của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu theo quy định;

đ) Sản lượng truyền tải thực tế từng chu kỳ của các đường dây liên kết vùng;

e) Các thông tin về việc điều chỉnh công suất huy động của nhà máy điện gián tiếp tham gia thị trường điện (nếu có);

g) Các thông tin sự cố nguồn, lưới điện (nếu có);

h) Các thông tin sự cố, suy giảm nguồn cung cấp nhiên liệu khí của các nhà máy điện sử dụng khí tự nhiên (nếu có);

i) Công suất, sản lượng sa thải phụ tải (nếu có);

k) Các biện pháp xử lý của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trong trường hợp thiếu hoặc thừa công suất;

l) Các can thiệp của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để vận hành an ninh, an toàn hệ thống điện.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố thông tin trong trường hợp phải can thiệp vào thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Thông tư này.

3. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm thông báo cho các thành viên tham gia thị trường điện về quyết định tạm ngừng hoạt động của thị trường điện giao ngay của Bộ Công Thương và của cơ quan có thẩm quyền.

4. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm thông báo cho các thành viên tham gia thị trường điện về quyết định khôi phục hoạt động của thị trường điện giao ngay của Bộ Công Thương.

Chương IV
CÔNG BỐ THÔNG TIN TÍNH TOÁN THANH TOÁN

Điều 27. Xác nhận sản lượng điện năng theo chỉ số chốt công tơ

Các đơn vị áp dụng chữ ký số để xác nhận số liệu đo đếm bao gồm:

1. Tổng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của Đơn vị mua buôn điện.

2. Sản lượng điện năng mua trên thị trường điện.

3. Sản lượng chênh lệch giữa chỉ số sản lượng chốt tháng.

4. Tổng sản lượng thu thập theo từng chu kỳ giao dịch trong tháng.

Điều 28. Cung cấp số liệu phục vụ tính toán thanh toán cho các đơn vị

1. Thông tin và số liệu phục vụ thanh toán của các đơn vị được công bố chính thức qua Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

2. Nội dung, thời gian công bố và xác nhận thông tin này thực hiện theo Quy trình tính toán thanh toán trong thị trường điện tại Phụ lục III Thông tư này.

3. Cách thức công bố thông tin:

a) Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đăng nhập Cổng thông tin điện tử thị trường điện bằng tài khoản người dùng được cấp để công bố thông tin về số liệu thanh toán của các Đơn vị phát điện;

b) Đơn vị mua điện và Đơn vị phát điện đăng nhập Cổng thông tin điện tử thị trường điện bằng tài khoản người dùng được cấp để xác nhận các thông tin số liệu thanh toán do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố.

4. Thông tin và số liệu thanh toán của các đơn vị là thông tin riêng của các đơn vị tham gia thị trường, chỉ có các đơn vị liên quan được phép truy cập và khai thác các thông tin này.

Điều 29. Thông tin phục vụ đối soát số liệu thanh toán cho các đơn vị

1. Thông tin phục vụ đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện được công bố chính thức qua Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

2. Nội dung, thời gian công bố và xác nhận thông tin này thực hiện theo nội dung phối hợp đối soát số liệu thanh toán trong Quy trình phối hợp đối soát số liệu thanh toán giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện tại Phụ lục IV Thông tư này.

3. Việc thực hiện cung cấp, công bố thông tin về sự kiện và xác nhận sự kiện giữa các đơn vị liên quan được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử thị trường điện.

4. Thông tin và số liệu thanh toán của các đơn vị là thông tin riêng của các đơn vị tham gia thị trường, chỉ có các đơn vị liên quan được phép truy cập và khai thác các thông tin này.

Chương V
BÁO CÁO VẬN HÀNH

Điều 30. Công bố thông tin vận hành thị trường điện

Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm công bố thông tin vận hành thị trường điện theo quy định tại Điều 125 Thông tư này.

Điều 31. Chế độ báo cáo vận hành thị trường điện

Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo vận hành thị trường điện theo quy định tại Điều 127 Thông tư này.

Điều 32. Phân quyền cho tài khoản người dùng xem báo cáo

Quyền xem thông tin đối với các báo cáo này là hạn chế. Danh sách các tài khoản người dùng được xem báo cáo trên Cổng thông tin điện tử thị trường điện theo quy định tại Bảng 01 và Bảng 02 Phụ lục này.

DANH MỤC BẢNG

(Kèm theo Phụ lục V. Quy trình Quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin điều hành thị trường điện)

STT	TÊN BẢNG
Bảng 01	Quyền truy cập các thông tin công bố về vận hành thị trường điện
Bảng 02	Quyền truy cập các thông tin công bố về phục vụ tính toán thanh toán

Bảng 01 - Quyền truy cập các thông tin công bố về vận hành Thị trường điện

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
1	Đăng ký kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện (*)	x		x	Ngày 01 tháng 8	ĐVPĐ
2	Đăng ký kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện (*)	x	x	x	Ngày 01 tháng 8	TNO
3	Dự báo phụ tải năm của các Đơn vị mua buôn điện	x	x	x	Ngày 01 tháng 8	ĐVMB
4	Dự báo xuất nhập khẩu điện năm của Đơn vị mua buôn điện (*)	x	x	x	Ngày 01 tháng 8	ĐVMB
5	Thông tin phục vụ lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm tới (*)	x		x	Ngày 01 tháng 9	ĐVPĐ
6	Cung cấp số liệu về tỷ lệ sản lượng điện năng theo giá hợp đồng, sản lượng điện hợp đồng năm và phân bổ từng tháng trong trường hợp Đơn vị mua điện và Đơn vị phát điện thỏa thuận và thống nhất	x		x	Ngày 15 tháng 11	ĐVPĐ, ĐVMB
7	Phụ tải dự báo từng miền Bắc, Trung, Nam và cho toàn hệ thống điện quốc gia trong từng chu kỳ giao dịch	x	x	x	Sau khi được phê duyệt	NSMO

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
8	Các số liệu thủy văn của các hồ chứa thủy điện được dùng để tính toán mô phỏng thị trường điện	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
9	Tiến độ đưa nhà máy điện mới vào vận hành	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
10	Các thông số kỹ thuật về lưới điện truyền tải	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
11	Biểu đồ xuất, nhập khẩu điện dự kiến	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
12	Lịch bảo dưỡng, sửa chữa năm của nhà máy điện, lưới điện truyền tải và nguồn cấp khí lớn	x	x	x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
13	Phụ tải dự báo của các Đơn vị mua buôn điện trong từng chu kỳ giao dịch	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
14	Giá điện năng thị trường dự kiến cho từng chu kỳ giao dịch áp dụng cho Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn điện (*)	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
15	Kết quả lựa chọn Nhà máy điện mới tốt nhất	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
16	Giá công suất thị trường từng chu kỳ giao dịch	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
17	Mức trần của giá điện năng thị trường	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
18	Phân loại nhà máy nhiệt điện	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
19	Sản lượng điện hợp đồng tối thiểu năm và sản lượng điện hợp đồng tối thiểu tháng phân bổ vào các tháng của các nhà máy nhiệt điện (*)	x		x	Sau khi được phê duyệt	NSMO
20	Tỷ lệ điện năng mua theo giá thị trường điện giao ngay trong từng tháng của năm tới áp dụng cho các Đơn vị mua buôn điện từ các nhà máy điện được phân bổ hợp đồng (*)	x		x	Sau khi được phê duyệt	

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
21	Sản lượng phát điện dự kiến trong mô phỏng thị trường điện của nhà máy điện cho từng chu kỳ giao dịch (*)	x		x	Sau khi được phê duyệt	
22	Giá trị nước của nhà máy thủy điện (*)	x		x	Sau khi được phê duyệt	
23	Số liệu về giá biến đổi của nhà máy nhiệt điện được dùng trong tính toán mô phỏng (*)	x		x	Sau khi được phê duyệt	
24	Đăng ký kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện điện tháng tiếp theo (*)	x		x	Ngày 15 tháng M-1	ĐVPĐ
25	Đăng ký kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện tháng tiếp theo (*)	x	x	x	Ngày 15 tháng M-1	TNO
26	Thông tin phục vụ lập kế hoạch vận hành thị trường điện tháng tới (*)	x		x	Ngày 15 tháng M-1	ĐVPĐ
27	Thông tin dự báo xuất nhập khẩu điện tháng của Đơn vị mua buôn điện	x		x	Ngày 15 tháng M-1	ĐVMB
28	Cung cấp số liệu về sản lượng điện hợp đồng tháng M+1 và các tháng còn lại trong năm, sản lượng điện hợp đồng từng chu kỳ giao dịch của các tổ máy (đối với nhà máy điện mới) trong trường hợp Đơn vị mua điện và Đơn vị phát điện thỏa thuận và thống nhất	x		x	Ngày 20 tháng M-1	ĐVPĐ,ĐVMB
29	Thông tin dự báo phụ tải tháng của các Đơn vị mua buôn điện	x	x	x	Ngày 20 tháng M-1	ĐVMB
30	Thông tin phân bổ sản lượng điện hợp đồng tháng tới sơ bộ của các nhà máy do Đơn vị vận hành hệ thống và thị trường điện tính toán	x		x	Trước 5 ngày cuối cùng tháng M-1	NSMO

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
31	Tổng nhu cầu phụ tải hệ thống điện quốc gia và phụ tải từng miền Bắc, Trung, Nam cho cả tháng và từng tuần trong tháng	x	x	x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
32	Biểu đồ phụ tải các ngày điển hình các miền Bắc, Trung, Nam và toàn hệ thống điện quốc gia cho các tuần trong tháng	x	x	x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
33	Thông tin giá trị nước của nhà máy thủy điện tháng tới (*)			x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
34	Thông tin mực nước tối ưu của các nhà máy thủy điện bậc thang và nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết trên một tuần hàng tuần trong tháng tới (*)			x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
35	Thông tin phân loại nhà máy chạy nền, lưng, đỉnh tháng tới (*)	x		x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
36	Thông tin giá trần bản chào của các tổ máy nhiệt điện tháng tới (*)	x		x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
37	Thông tin giá trung bình của các giá trần bản chào của các tổ máy nhiệt điện tham gia thị trường điện	x		x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
38	Thông tin sản lượng dự kiến phát từng chu kỳ của các nhà máy điện trong tháng tới	x		x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
39	Thông tin lịch sửa chữa tháng tới (*)	x	x	x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
40	Thông tin phân bổ sản lượng điện hợp đồng tháng tới của các nhà máy (*)	x		x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
41	Thông tin phục vụ điều chỉnh sản lượng điện hợp đồng tháng tới của các nhà máy (*)	x		x	Ngày 25 tháng M-1	ĐVPĐ

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
42	Thông tin kế hoạch huy động tổ máy tháng tới (*)	x		x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
43	Thông tin danh sách các tổ máy phát điện đủ điều kiện cung cấp dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp	x		x	Ngày 25 tháng M-1	NSMO
44	Đăng ký kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa nguồn điện cho 01 tuần tiếp theo (khi có điều chỉnh hoặc phát sinh so với kế hoạch tháng) (*)			x	10h thứ 3 tuần W-1	ĐVPĐ
45	Đăng ký kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện cho 01 tuần tiếp theo (khi có điều chỉnh hoặc phát sinh so với kế hoạch tháng) (*)		x	x	10h thứ 3 tuần W-1	ĐVPĐ
46	Thông tin phục vụ lập kế hoạch vận hành tuần tới (*)	x		x	15h thứ 3 tuần W-1	ĐVPĐ
47	Thông tin dự báo phụ tải, bao gồm phụ tải hệ thống điện quốc gia và phụ tải hệ thống điện miền	x	x	x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
48	Thông tin tổng sản lượng điện dự kiến phát của từng nhà máy điện trong tuần tới (*)	x		x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
49	Thông tin giá trị nước và sản lượng dự kiến hàng giờ của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu	x		x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
50	Thông tin giá trị nước của các nhà máy thủy điện bậc thang, các nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết từ 02 ngày trở lên (*)	x		x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
51	Thông tin giá trị nước cao nhất của các nhà máy thủy điện tham gia thị trường điện	x		x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
52	Thông tin sản lượng dự kiến từng chu kỳ của các nhà máy thủy điện có hồ chứa dưới 02 ngày (*)	x		x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
53	Mực nước giới hạn tuần của các hồ chứa thủy điện có khả năng điều tiết từ 02 ngày trở lên (*)	x		x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
54	Giá trung bình của các giá trần bản chào của các tổ máy nhiệt điện tham gia thị trường điện trong kế hoạch vận hành tháng	x		x	10h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
55	Thông tin lịch sửa chữa tuần tới (*)	x	x	x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
56	Thông tin danh sách các tổ máy phát điện dự kiến dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp cho tuần tới	x		x	15h Thứ Sáu tuần W-1	NSMO
57	Thông tin phục vụ đánh khả năng bảo đảm cung cấp điện ngắn hạn cho 02 ngày tới của Đơn vị phát điện			x	10h ngày D-1	ĐVPĐ
58	Thông tin phục vụ đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện ngắn hạn cho 02 ngày tới của Đơn vị truyền tải điện		x	x	10h ngày D-1	TNO
59	Thông tin dự báo phụ tải ngày D của toàn hệ thống điện quốc gia và từng miền Bắc, Trung, Nam	x	x	x	10h ngày D-1	NSMO
60	Thông tin công suất huy động dự kiến của các nguồn điện năng xuất khẩu, nhập khẩu dự kiến trong từng chu kỳ giao dịch của ngày D của NSMO	x	x	x	10h ngày D-1	NSMO
61	Công suất huy động dự kiến của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu trong từng chu kỳ giao dịch của ngày tới	x		x	10h ngày D-1	NSMO

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
62	Công suất huy động dự kiến của các nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết dưới 02 ngày trong từng chu kỳ giao dịch của ngày tới	x		x	10h ngày D-1	NSMO
63	Tổng sản lượng khí dự kiến ngày tới của các nhà máy tuabin khí sử dụng chung một nguồn khí (*)	x		x	10h ngày D-1	NSMO
64	Nhu cầu dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp của hệ thống điện trong từng chu kỳ giao dịch của ngày tới	x		x	10h ngày D-1	NSMO
65	Thông tin bản chào các đơn vị chào giá trên thị trường (*)			x	11h30 ngày D-1	NSMO
66	Thông tin các kết quả đánh giá khả năng bảo đảm cung cấp điện ngắn hạn cho ngày D	x	x	x	10h ngày D-1	NSMO
67	Thông tin công suất huy động dự kiến bao gồm cả công suất dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp của các tổ máy trong từng chu kỳ giao dịch của ngày tới	x		x	16h ngày D-1	NSMO
68	Thông tin giá điện năng thị trường dự kiến cho từng chu kỳ giao dịch của ngày tới áp dụng cho các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn điện	x		x	16h ngày D-1	NSMO
69	Danh sách các tổ máy dự kiến phải phát tăng hoặc phát giảm công suất trong từng chu kỳ giao dịch của ngày tới (*)	x		x	16h ngày D-1	NSMO
70	Thông tin về cảnh báo thiếu công suất/thừa công suất trong ngày tới (nếu có)	x		x	16h ngày D-1	NSMO
71	Thông tin về việc cung cấp dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp	x		x	16h ngày D-1	NSMO

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
72	Thông tin dự kiến về tình trạng thiếu nguồn nhiên liệu khí cung cấp cho nhà máy điện tuabin khí của Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch trong các chu kỳ giao dịch tới	x		x	16h ngày D-1	NSMO
73	Thông tin nhà máy có mực nước hồ chứa thấp hơn mực nước giới hạn tuần đầu tiên, nhà máy có mực nước hồ chứa thấp hơn mực nước tuần thứ hai	x		x	10h thứ Hai tuần W	NSMO
74	Thông tin mực nước hồ chứa của nhà máy đã về mực nước giới hạn tuần, nhà máy được chào giá (*)	x		x	10h thứ Hai tuần W	NSMO
75	Thông báo ngừng, giảm cung cấp điện của NSMO	x	x	x	Ngay khi có thể	NSMO
76	Thông báo chế độ vận hành hệ thống điện	x	x	x	Hàng ngày, cập nhật khi có thay đổi	NSMO
77	Tổng sản lượng khí dự kiến chu kỳ giao dịch tới của các nhà máy tuabin khí sử dụng chung một nguồn khí (*)	x		x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO
78	Thông tin phụ tải dự báo chu kỳ giao dịch tới của toàn hệ thống điện quốc gia và các miền Bắc, Trung, Nam	x	x	x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO
79	Thông tin lịch huy động các tổ máy phát điện trong chu kỳ giao dịch tới và 07 chu kỳ tiếp theo (*)	x		x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO
80	Thông tin giá biên các miền Bắc, Trung, Nam trong chu kỳ giao dịch tới và 07 chu kỳ tiếp theo	x		x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO
81	Thông tin giá thị trường dự kiến từng chu kỳ của ngày tới áp dụng cho các Đơn vị phát điện và Đơn vị mua buôn điện	x		x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
82	Thông tin về việc điều chỉnh công suất công bố của nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu (nếu có)	x		x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO
83	Thông tin lịch sa thải phụ tải dự kiến (nếu có)	x		x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO
84	Thông tin về cung cấp dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp			x	10 phút trước chu kỳ giao dịch	NSMO
85	Thông tin các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện ngày D của đơn vị và các dữ liệu phục vụ việc xác nhận các sự kiện (*)	x		x	Trước 10h00 ngày D+1	ĐVPĐ
86	Công bố số liệu đo đếm phục vụ công tác kiểm tra số liệu đo đếm	x	x	x	Trước 24h ngày D+1	NSMO
87	Thông tin công bố giá thị trường và lượng công suất thanh toán	x		x	9h ngày D+2	NSMO
88	Tổng hợp và cung cấp số liệu phục vụ tính toán thanh toán cho ngày D (*)	x		x	9h ngày D+2	NSMO
89	Đơn vị truyền tải điện, Đơn vị phát điện và Đơn vị mua điện thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu đo đếm, phát hiện các phát sinh, sự kiện dẫn đến chênh lệch sản lượng.	x	x	x	Trước 12h ngày D+4	ĐVPĐ, ĐVMB, TNO
90	Giá điện năng thị trường, giá công suất thị trường và giá thị trường điện toàn phần dự kiến áp dụng cho đơn vị mua buôn điện của từng chu kỳ giao dịch trong ngày D	x		x	16h ngày D+2	NSMO
91	Tổng hợp và cung cấp cho các đơn vị mua điện số liệu phục vụ tính toán thanh toán (*)	x		x	16h ngày D+2	NSMO

STT	Danh sách thông tin	Phân quyền xem tin			Thời hạn công bố thông tin	Đơn vị công bố
		ĐVMĐ	TNO	ĐVPĐ		
92	Bảng kê thanh toán sơ bộ cho ngày D (*) của các Đơn vị phát điện.	x		x	16h ngày D+4	NSMO
93	Bảng kê thanh toán thị trường điện giao ngay của ngày D (*) của Đơn vị mua điện	x		x	16h ngày D+5	NSMO
94	Giá điện năng thị trường, giá công suất thị trường và giá thị trường điện toàn phần chính thức áp dụng cho Đơn vị mua buôn điện của từng chu kỳ giao dịch trong ngày D	x		x	16h ngày D+5	NSMO
95	Thông tin các sai sót trong bảng kê thanh toán sơ bộ của ngày D (*)	x		x	12h ngày D+6	ĐVMB, ĐVPĐ
96	Bảng kê thanh toán hoàn chỉnh cho ngày D (*)	x		x	16h ngày D+6	NSMO
97	Báo cáo vận hành thị trường điện ngày	x	x	x	15h ngày D+1	NSMO
98	Báo cáo vận hành thị trường điện tuần	x	x	x	thứ Ba tuần T+1	NSMO
99	Báo cáo vận hành thị trường điện tháng	x	x	x	Ngày 20 tháng M+1	NSMO
100	Thông tin về số liệu đo đếm chu kì thanh toán của các đơn vị phát điện (*)	x		x	Ngày làm việc thứ 7 tháng M+1	ĐVĐĐ
101	Bảng kê thanh toán hoàn chỉnh cho tháng M (*)	x		x	Ngày làm việc thứ 10 tháng M+1	NSMO
102	Báo cáo vận hành thị trường điện năm	x	x	x	Ngày 01 tháng 3 năm N+1	NSMO
103	Báo cáo đột xuất	x	x	x	Khi có yêu cầu	NSMO

Chú thích:

1. ĐVMB: Đơn vị mua buôn điện
2. ĐVPĐ: Đơn vị phát điện.
3. ĐVMĐ: Đơn vị mua điện.
4. TNO: Đơn vị truyền tải điện.
5. NSMO: Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

(*) Chỉ các Đơn vị có liên quan được cung cấp và sử dụng thông tin.

Bảng 02 - Quyền truy cập các thông tin công bố về phục vụ tính toán thanh toán

Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm cung cấp các thông tin, dữ liệu được sử dụng để tính toán các khoản thanh toán thị trường điện cho Đơn vị mua điện và Đơn vị phát điện có liên quan để phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu kết quả tính toán thanh toán, cụ thể bao gồm các thông tin sau:

STT	Thông tin	Phân quyền truy cập dữ liệu		Ghi chú
		Đơn vị phát điện (*)	Đơn vị Mua điện (*)	
1	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các kiểm tra khoản thanh toán theo giá chào (Qbp, Rbp)	x	x	
2	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán theo phần điện năng phát sai khác so với lệnh điều độ (Qdu, Rdu)	x	x	
3	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán theo phần điện năng phát tăng thêm (Qcon, Rcon)	x	x	
4	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán theo giá điện năng thị trường (Qsmp, Rsmp)	x	x	
5	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán công suất thị trường (Rcan)	x	x	
6	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp (Qdt, Rdt)	x	x	
7	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán chi phí mua điện theo giá thị trường điện giao ngay của Đơn vị mua buôn điện (Cm, TCm)	x	x	
8	Dữ liệu phục vụ tính toán, kiểm tra các khoản thanh toán khác của các Đơn vị phát điện	x	x	

(*) Chỉ các Đơn vị có liên quan được cung cấp và sử dụng thông tin

Phụ lục VI

CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh)

DANH MỤC BIỂU MẪU

STT	TÊN BIỂU MẪU
Biểu mẫu 01	Báo cáo vận hành thị trường điện tháng của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện
Biểu mẫu 02	Báo cáo vận hành thị trường điện năm của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện
Biểu mẫu 03	Báo cáo vận hành thị trường điện năm của Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch
Biểu mẫu 04	Báo cáo vận hành thị trường điện năm của Đơn vị mua điện
Biểu mẫu 05	Cung cấp số liệu thủy văn
Biểu mẫu 06	Cung cấp số liệu nhà máy thủy điện
Biểu mẫu 07	Cung cấp số liệu nhà máy nhiệt điện
Biểu mẫu 08	Cung cấp số liệu về nhiên liệu
Biểu mẫu 09	Cung cấp số liệu về công trình mới
Biểu mẫu 10	Cung cấp số liệu về hợp đồng mua bán điện
Biểu mẫu 11	Cung cấp số liệu phục vụ lựa chọn nhà máy điện mới tốt nhất
Biểu mẫu 12	Mẫu bản chào
Biểu mẫu 13	Mẫu bảng kê thanh toán ngày
Biểu mẫu 14	Mẫu bảng kê thanh toán tháng
Biểu mẫu 15	Mẫu xác nhận các sự kiện trong thị trường điện
Biểu mẫu 16	Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện
Biểu mẫu 17	Thông tin vận hành

STT	TÊN BIỂU MẪU
Biểu mẫu 18	Đăng ký cấp tài khoản người dùng truy cập Cổng thông tin điện tử thị trường điện
Biểu mẫu 19	Đăng ký cấp lại tài khoản truy cập hệ thống thông tin
Biểu mẫu 20	Đăng ký tài khoản truy cập cổng thông tin điện tử đăng ký sửa chữa nguồn/lưới điện
Biểu mẫu 21	Đăng ký tài khoản người dùng truy cập hệ thống quản lý mệnh lệnh điều độ (DIM)

Biểu mẫu 01 - Báo cáo vận hành thị trường điện tháng của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP *(nếu có)* **(TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Về việc vận hành thị trường điện tháng....

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực

Các nội dung báo cáo:

1. Cơ cấu các nhà máy điện tham gia thị trường điện.

2. Công tác lập kế hoạch thị trường điện, lập lịch huy động các nhà máy điện, điều độ thời gian thực.

3. Giá thị trường điện (khâu phát điện, khâu mua điện).

4. Công tác tính toán thanh toán và xác nhận các bảng kê thanh toán thị trường điện.

5. Doanh thu trên thị trường điện các nhà máy điện và chi phí mua điện của các Đơn vị mua buôn điện.

6. Tình hình thu thập số liệu đo đếm, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ thị trường điện và hệ thống điện và công tác công bố thông tin thị trường điện khâu phát điện và khâu mua điện.

7. Các vướng mắc và kiến nghị của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - ...	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu mẫu 02 - Báo cáo vận hành thị trường điện năm của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP *(nếu có)* **(TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Về việc vận hành thị trường điện năm....

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực

Các nội dung báo cáo:

1. Cơ cấu các nhà máy điện tham gia thị trường điện.

2. Công tác lập kế hoạch thị trường điện, lập lịch huy động các nhà máy điện, điều độ thời gian thực.

3. Giá thị trường điện (khâu phát điện, khâu mua điện).

4. Công tác tính toán thanh toán và xác nhận các bảng kê thanh toán thị trường điện.

5. Doanh thu trên thị trường điện các nhà máy điện và chi phí mua điện của các Đơn vị mua buôn điện.

6. Tình hình thu thập số liệu đo đếm, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ thị trường điện và hệ thống điện và công tác công bố thông tin thị trường điện khâu phát điện và khâu mua điện.

7. Các vướng mắc và kiến nghị của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - ...	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu mẫu 03 - Báo cáo vận hành thị trường điện năm của Đơn vị phát điện trực tiếp giao dịch

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP *(nếu có)* **(TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Về việc vận hành thị trường điện năm....

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực

Các nội dung báo cáo:

1. Đánh giá về việc thực hiện các quy định thị trường điện.
2. Kết quả về sản lượng và doanh thu của đơn vị.
3. Các vướng mắc và kiến nghị của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - ...	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu mẫu 04 - Báo cáo vận hành thị trường điện năm của Đơn vị mua điện

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP *(nếu có)* **(TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO

Về việc vận hành thị trường điện năm....

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước về điện lực

Các nội dung báo cáo:

1. Đánh giá về việc thực hiện các quy định thị trường điện.
2. Công tác cung cấp và xác nhận các số liệu đo đếm.
3. Công tác dự báo phụ tải.
4. Công tác các bảng kê thanh toán thị trường điện.
5. Kết quả chi phí mua điện trong Thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
6. Các vướng mắc và kiến nghị của đơn vị.

Nơi nhận: - Như trên; - ...	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu mẫu 05 - Cung cấp số liệu thủy văn

- Biểu mẫu cung cấp số liệu lưu lượng nước về các năm quá khứ

Tuần / Năm	*(Ngày)*	*(Tháng)*	*(Năm)*	*(Hồ thủy điện)*	*(Nhánh)*	*Đơn vị m^3/s*					
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	..	*52*
Năm N-n												
...												
Năm N-1												

- Biểu mẫu cung cấp số liệu lưu lượng nước về tuần quá khứ và dự báo tuần tới

Ngày / Tuần	*(Ngày)*	*(Tháng)*	*(Năm)*	*(Hồ thủy điện)*	*(Nhánh)*		
	T2	*T3*	*T4*	*T5*	*T6*	*T7*	*CN*
Tuần T-2							
Dự báo Tuần T							

Biểu mẫu 06 - Cung cấp số liệu nhà máy thủy điện

	(Tháng)	*(Năm)*	*(Nhà máy)*

Thông số tổ máy

Tổ máy	Công suất tối đa (MW)	Công suất tối thiểu (MW)	Vùng cấm tổ máy (MW)	Tốc độ tăng tải (MW/phút)	Tốc độ giảm tải (MW/phút)	FOR (%)	COR (%)	V O&M (đồng/MWh)	Hiệu suất (%)	Khả năng cung cấp dự phòng quay (%)
H1										
H2										
...										

Thông số hồ chứa, tuabin

Dung tích tối đa (triệu m^3)	Dung tích tối thiểu (triệu m^3)	Mực nước dâng bình thường (m)	Mực nước chết (m)	Cột nước tối đa (m)	Cột nước tính toán (m)	Cột nước tối thiểu (m)	Mực nước hạ lưu (m)	Khả năng điều tiết	Khả năng xả (m^3/s)	Lưu lượng chạy máy tối thiểu (m^3/s)	Lưu lượng chạy máy tối đa (m^3/s)	Lưu lượng nước ra tối đa (m^3/s)	Khả năng điều tiết xả	Khả năng điều tiết của hồ chạy theo lưu lượng nước về

Các đường đặc tính

	Đặc tính Cột nước x Suất hao		Đặc tính Thể tích x Suất hao		Đặc tính Thể tích x Mực nước		Đặc tính Thể tích x Tổn thất		Đặc tính nước ra x Mực nước hạ lưu		Đặc tính Thể tích x Diện tích	
STT	Cột nước (m)	Suất hao (m^3/kWh)	Thể tích (triệu m^3)	Suất hao ($MW/m^3/s$)	Thể tích (triệu m^3)	Mực nước (m)	Thể tích (triệu m^3)	Tổn thất (m^3/s)	Tổng lưu lượng nước ra (m^3/s)	Mực nước hạ lưu (m)	Thể tích (triệu m^3)	Diện tích (km^2)
1												

2												
...												

	Đặc tính Công suất x Cột nước x Q máy (NQH)						Đặc tính nước về x Lưu lượng chạy máy		Đặc tính Công suất x Cột nước			
STT	Lưu lượng chạy máy (m^3/s)	Công suất nhà máy ứng với cột nước tổi thiểu (MW)	Lưu lượng chạy máy (m^3/s)	Công suất nhà máy ứng với cột nước tính toán (MW)	Lưu lượng chạy máy (m^3/s)	Công suất nhà máy ứng với cột nước tổi đa (MW)	Lưu lượng nước về (m^3/s)	Lưu lượng chạy máy (m^3/s)	Cột nước (m)	Công suất tối thiểu tổ máy (MW)	Công suất tối đa tổ máy (MW)	
1												
2												
...												

Các ràng buộc vận hành

Thời gian	Dung tích cảnh báo (triệu m^3)	Dung tích phòng lũ (triệu m^3)	Lưu lượng nước ra tối đa (m^3/s)	Lưu lượng nước ra tối thiểu (m^3/s)	Lưu lượng nước cho nông nghiệp (m^3/s)

Cấu hình hệ thống thủy điện			
	Đường nước chạy máy	Đường nước xả	Đường nước tổn thất
Tên hồ			
Dòng chảy tối thiểu (m^3/s)			
Dòng chảy tối đa (m^3/s)			
Khả năng tối đa thay đổi dòng chảy (m^3/s)			
Thời gian chảy (giờ)			

Biểu mẫu 07 - Cung cấp số liệu nhà máy nhiệt điện

A. Số liệu chung của đơn vị phát điện

(Ngày)	*(Tháng)*	*(Năm)*	*(Nhà máy)*

Thông số tổ máy

Tổ máy	Nhiên liệu sử dụng	Đơn vị nhiên liệu	Công suất tối đa (MW)	Công suất tối thiểu (MW)	Vùng cấm tổ máy (MW)	Tốc độ tăng tải (MW/phút)	Tốc độ giảm tải (MW/phút)	FOR (%)	COR (%)	V O&M (đồng/MWh)	Chi phí vận chuyển nhiên liệu (đồng/đơn vị nhiên liệu)	Khả năng cung cấp dự phòng quay (%)
S1												
S2												
S3												
...												

Đặc tính tiêu hao nhiên liệu

	Nhiên liệu 1		Nhiên liệu 2		Nhiên liệu 3	
STT	Mức công suất (MW)	Suất tiêu hao (đơn vị nhiên liệu/MWh)	Mức công suất (MW)	Suất tiêu hao (đơn vị nhiên liệu/MWh)	Mức công suất (MW)	Suất tiêu hao (đơn vị nhiên liệu/MWh)
1						
2						
3						
...						

Các ràng buộc vận hành

Thời gian	Công suất tối đa (MW)	Công suất tối thiểu (MW)	Khởi động nguội		Khởi động ấm		Khởi động nóng		Số lần khởi động tối đa		
			Thời gian ngừng máy (giờ)	Thời gian khởi động (giờ)	Thời gian ngừng máy (giờ)	Thời gian khởi động (giờ)	Thời gian ngừng máy (giờ)	Thời gian khởi động (giờ)	(lần/ngày)	(lần/tuần)	
Thời gian	Thời gian chạy máy tối thiểu (giờ)		Thời gian ngừng máy tối thiểu (giờ)								

B. Số liệu phụ tải nội bộ năm tới của đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện thuộc khu công nghiệp

Phụ tải	Tháng 1	Tháng 2	...		...	Tháng 12
Ngày 01						
Ngày 02						
...						
...						
Ngày 30						
Ngày 31						
Tổng tháng						

C. Số liệu phụ tải nội bộ tháng tới của đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện thuộc khu công nghiệp

Phụ tải	Giờ 01	Giờ 02			Giờ 23	Giờ 24	Tổng ngày
Ngày 01							
Ngày 02							
...							
...							
Ngày 30							
Ngày 31							

III. BIỂU MẪU CUNG CẤP SỐ LIỆU ĐƠN VỊ MUA ĐIỆN

(Ngày)	*(Tháng)*	*(Năm)*						
Nhà máy	Tổ máy	Suất hao nhiệt hợp đồng đã hiệu chỉnh hệ số suy giảm hiệu suất (Đơn vị nhiên liệu/kWh)			Hệ số chi phí phụ	Chi phí khởi động (đồng/lần)		
		Nhiên liệu 1 (TBK: Đơn-hỗn hợp)	Nhiên liệu 2 (TBK: Đơn-hỗn hợp)	Nhiên liệu 3 (TBK: Đơn-hỗn hợp)		Nguội	Ấm	Nóng
Tên	Số							
...	...	...	...	...	...	...	...	...

Biểu mẫu 08 - Cung cấp số liệu về nhiên liệu

A. Biểu mẫu số liệu giá nhiên liệu năm tới

Nhiên liệu	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 03	Tháng 04	Tháng 05	Tháng 06	Tháng 07	Tháng 08	Tháng 09	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12

B. Biểu mẫu số liệu giá nhiên liệu tháng tới

Nhiên liệu	Tháng M+1	Tháng M+2	Tháng M+3	Tháng M+4	Tháng M+5	Tháng M+6	Tháng M+7	Tháng M+8	Tháng M+9	Tháng M+10	Tháng M+11	Tháng M+12

C. Biểu mẫu số liệu giới hạn cung cấp nhiên liệu

Nhiên liệu	Thời gian	Giới hạn giờ (đơn vị nhiên liệu/giờ)	Giới hạn tổng (ngàn đơn vị nhiên liệu)

Biểu mẫu 09 - Cung cấp số liệu về công trình mới

TT	Tên nhà máy, tổ máy	Công suất đặt (MW)	Thời gian			Chủ sở hữu	Quy hoạch
			Vận hành thử nghiệm	Vận hành tin cậy	Vận hành thương mại		
1							
2							
3							

TT	Tên đường dây truyền tải	Giới hạn truyền tải (MW)	Thời gian		Quy hoạch
			Vận hành thử nghiệm	Vận hành tin cậy	
1					
2					
3					

Biểu mẫu 10 - Cung cấp số liệu về hợp đồng mua bán điện

A. Biểu mẫu cho các nhà máy tham gia thị trường

TT	Thời gian áp dụng	Nhà máy	Giá biến đổi (đồng/kWh)	Giá cố định (đồng/ kWh)	Sản lượng điện năng thỏa thuận hợp đồng (triệu kWh)	Sản lượng điện năng phát bình quân nhiều năm (triệu kWh)	Giá hợp đồng (đồng/ kWh)	Hệ số quy đổi đầu cực/điểm giao nhận
1								
2								

B. Biểu mẫu cho các nhà máy chỉ bán một phần sản lượng lên hệ thống điện Quốc gia, nhà máy nhiệt điện khí gián tiếp tham gia thị trường điện và BOT

TT	Thời gian áp dụng	Nhà máy	Giá biến đổi (đồng/kWh)	Giá hợp đồng (đồng/kWh)	Lưu ý
1					
2					

C. Biểu mẫu cung cấp số liệu bao tiêu và sản lượng điện

TT	Thời gian áp dụng	Nhà máy	Số liệu bao tiêu (giá trị, đơn vị,...)	Sản lượng điện quy đổi về đầu cực (triệu kWh)	Lưu ý
1					
2					

Biểu mẫu 11 - Cung cấp số liệu phục vụ lựa chọn nhà máy điện mới tốt nhất

STT	Tên nhà máy	Thời điểm bắt đầu vận hành thương mại và phát toàn bộ công suất đặt	Giá biến đổi năm N	Giá cố định năm N	Sản lượng điện năng thỏa thuận để tính giá hợp đồng	Lưu ý (*nếu có*)
			(*đ/kWh*)	(*đ/kWh*)	(*kWh*)	

Biểu mẫu 12 - Mẫu bản chào

Chu kỳ giao dịch	Ngày	Tháng	Năm	*(Tên NMĐ)*		*(Tên tổ máy điện)*		*(Nhiên liệu)*	Ngày	Tháng	Năm	*(Tên NMĐ)*		*(Tên tổ máy điện)*		*(Nhiên liệu)*
				Giá chào (Đồng/kWh)								Giá chào (Đồng/kWh)				
	Khoảng công suất chào, MW			Mức giá 1	Mức giá 2	...	Mức giá 9	Mức giá 10	Khoảng công suất chào, MW			Mức giá 1	Mức giá 2	...	Mức giá 9	Mức giá 10
	Pmin	Công suất công bố		Ngưỡng công suất tương ứng					Pmin	Công suất công bố		Ngưỡng công suất tương ứng				
1																
2																
3																
..																
..																
..																
..																
..																
..																
..																
..																
Tốc độ tăng công suất tối đa:									Tốc độ tăng công suất tối đa:							
Tốc độ giảm công suất tối đa:									Tốc độ giảm công suất tối đa:							

Biểu mẫu 13 - Mẫu bảng kê thanh toán ngày

I. BẢNG KÊ ÁP DỤNG CHO ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

1. Tên Công ty phát điện: _____
2. Tên nhà máy điện:_____
3. Ngày giao dịch _____

BẢNG 1. BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THANH TOÁN HÀNG NGÀY

	Khoản thanh toán	**Thành tiền (VND)**
I	Thanh toán điện năng thị trường (= 1 + 2 + 3 + 4)	
1	*Khoản thanh toán tính theo giá điện năng thị trường*	
2	*Khoản thanh toán tính theo giá chào*	
3	*Khoản thanh toán cho phần sản lượng phát tăng thêm*	
4	*Khoản thanh toán do phát sai lệnh điều độ*	
II	Thanh toán công suất thị trường	
III	Thanh toán dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp	
IV	Thanh toán khác	
	Tổng cộng (= I + II + III + IV)	

BẢNG 2. BẢNG KÊ KHOẢN THANH TOÁN TÍNH THEO GIÁ ĐIỆN NĂNG THỊ TRƯỜNG

Chu kỳ giao dịch (giờ)	Sản lượng (MWh)	Giá điện năng thị trường (VNĐ/kWh)	Thành tiền (VNĐ)
1			
2			
....			
48			
Tổng cộng			

BẢNG 3. BẢNG KÊ KHOẢN THANH TOÁN TÍNH THEO GIÁ CHÀO

Chu kỳ giao dịch	(Tên nhà máy điện)								
	(Tên tổ máy)			(Tên tổ máy)			(Tên tổ máy)		
	Dải công suất chào, MWh	Giá chào, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ	Dải công suất chào, MWh	Giá chào, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ	Dải công suất chào, MWh	Giá chào, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ
1	ΔQ1	P1							
	ΔQ2	P2							
....									
48									
Tổng cộng									

BẢNG 4. BẢNG KÊ KHOẢN THANH TOÁN CHO PHẦN SẢN LƯỢNG PHÁT TĂNG THÊM

Chu kỳ giao dịch	Tên nhà máy điện								
	Tên tổ máy			Tên tổ máy			Tên tổ máy		
	Sản lượng, MWh	Giá thanh toán, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ	Sản lượng, MWh	Giá thanh toán, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ	Sản lượng, MWh	Giá thanh toán, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ
1									
....									
48									
Tổng cộng									

BẢNG 5. BẢNG KÊ KHOẢN THANH TOÁN CÔNG SUẤT THỊ TRƯỜNG

Chu kỳ giao dịch (giờ)	Lượng công suất thanh toán (MW)	Giá công suất thị trường (VNĐ/kW)	Thành tiền VNĐ
1			
2			
...			
....			
48			
Tổng cộng			

BẢNG 6. BẢNG KÊ KHOẢN THANH TOÁN DO PHÁT SAI LỆNH ĐIỀU ĐỘ

Chu kỳ giao dịch (giờ)	Sản lượng, MWh	Giá thanh toán, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ
1			
2			
...			
....			
48			
Tổng cộng			

BẢNG 7. BẢNG KÊ KHOẢN THANH TOÁN DỊCH VỤ ĐIỀU KHIỂN TẦN SỐ THỨ CẤP

Chu kỳ giao dịch (giờ)	Sản lượng, MWh	Giá thanh toán, VNĐ/kWh	Thành tiền, VNĐ
1			
2			
...			
....			
48			
Tổng cộng			

II. BẢNG KÊ ÁP DỤNG CHO ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN

Bảng 8. BẢNG KÊ NGÀY THANH TOÁN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN GIAO NGAY CỦA ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN *l* TỪ CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN ĐƯỢC PHÂN BỔ HỢP ĐỒNG GIỮA TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN

Chu kỳ giao dịch	Sản lượng điện $Q_{m1}(l, i)$ (kWh)	Giá CFMP(i) (Đồng/kWh)	Thành tiền $C_{m1}(l,i)$ Đồng
1			
2			
...			
....			
....			
Tổng cộng	$Q_{m1}(l, D) = \Sigma Q_{m1}(l, i)$		$TC_{m1}(l, D) = \Sigma C_{m1}(l, i)$

Bảng 9. BẢNG KÊ NGÀY THANH TOÁN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN GIAO NGAY CỦA ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN *l* NHÀ MÁY ĐIỆN g KÝ HỢP ĐỒNG TRỰC TIẾP

Chu kỳ giao dịch	Sản lượng điện $Q_{m2}(l, g, i)$ (kWh)	Giá CFMP(i) (Đồng/kWh)	Thành tiền $C_{m2}(l,g,i)$ Đồng
1			
2			
...			
....			
...			
Tổng cộng	$Q_{m2}(l, g, D) = \Sigma Q_{m2}(l, g, i)$		$C_{m2}(l, g, D) = \Sigma C_{m2}(l, g, i)$

Biểu mẫu 14 - Mẫu bảng kê thanh toán tháng

I. BẢNG KÊ ÁP DỤNG CHO ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

1. Tên Công ty phát điện:

2. Tên nhà máy điện:

3. Chu kỳ thanh toán:

BẢNG 1. BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THANH TOÁN THÁNG

	Khoản thanh toán	**Thành tiền (VND)**
I	Thanh toán điện năng thị trường (= 1 + 2 + 3 + 4)	
1	*Khoản thanh toán tính theo giá điện năng thị trường*	
2	*Khoản thanh toán tính theo giá chào*	
3	*Khoản thanh toán cho phần sản lượng phát tăng thêm*	
4	*Khoản thanh toán do phát sai lệnh điều độ*	
II	Thanh toán công suất thị trường	
III	Thanh toán dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp	
IV	Thanh toán khác	
	Tổng cộng (= I + II + III + IV)	

BẢNG 2. BẢNG KÊ THANH TOÁN ĐIỆN NĂNG THỊ TRƯỜNG TRONG THÁNG

Ngày giao dịch	Thanh toán điện năng thị trường (VNĐ)			**Tổng**
	Thanh toán tính theo giá SMP	Thanh toán tính theo giá chào	Thanh toán cho phần sản lượng phát tăng thêm	
1				
2				
...				
....				
30				
31				

BẢNG 3. BẢNG KÊ THANH TOÁN CÔNG SUẤT THỊ TRƯỜNG TRONG THÁNG

Ngày giao dịch	Thanh toán công suất thị trường, (VNĐ)
1	
2	
...	
...	
....	
30	
31	
Tổng cộng	

BẢNG 4. BẢNG KÊ THANH TOÁN DỊCH VỤ ĐIỀU KHIỂN TẦN SỐ THỨ CẤP

Ngày giao dịch	Thanh toán dịch vụ điều khiển tần số thứ cấp (VNĐ)
1	
2	
...	
...	
....	
30	
31	
Tổng cộng	

BẢNG 5. BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG THANH TOÁN NGOÀI THỊ TRƯỜNG

Ngày giao dịch	Giờ	Tên nhà máy điện		
		Tên tổ máy	Tên tổ máy	Tên tổ máy
		Sản lượng, MWh	Sản lượng, MWh	Sản lượng, MWh
1				
2				
...				
...				
....				
30				
31				
Tổng cộng				

II. BẢNG KÊ THANH TOÁN THÁNG TRÊN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN GIAO NGAY CỦA ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN

Bảng 6. BẢNG KÊ THÁNG THANH TOÁN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN GIAO NGAY CỦA ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN *l* TỪ CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN ĐƯỢC PHÂN BỔ HỢP ĐỒNG

Ngày giao dịch	Khoản thanh toán thị trường giao điện ngay mua từ các nhà máy điện được phân bổ hợp đồng $C_{m1}(l, D)$ (Đồng)
1	
2	
...	
....	
31	
Tổng cộng	$TC_{m1}(l, M) = \Sigma C_{m1}(l, D)$

Bảng 7. BẢNG KÊ THÁNG THANH TOÁN THỊ TRƯỜNG ĐIỆN GIAO NGAY CỦA ĐƠN VỊ MUA BUÔN ĐIỆN *l* NHÀ MÁY ĐIỆN g KÝ HỢP ĐỒNG TRỰC TIẾP

Ngày giao dịch	Khoản thanh toán thị trường điện giao ngay mua từ các nhà máy điện được phân bổ hợp đồng $C_{m2}(l, g, D)$	Sản lượng điện mua theo giá thị trường từ nhà máy điện ký hợp đồng trực tiếp $Q_{m2}(l, g, D)$	Giá thanh toán khác Uplift(g,M) Đồng/kWh	Tổng chi phí mua điện theo giá thị trường điện giao ngay của ĐVMB l từ NMĐ g - $TC_{m2}(l, g, M)$ (Đồng)
1				
2				
...				
....				
31				
Tổng cộng	$\Sigma C_{m2}(l, g, D)$	$Q_{m2}(l, g, M) = \Sigma Q_{m2}(l, g, D)$		$TC_{m2}(l, g, M) = \Sigma C_{m2}(l, g, D) + Q_{m2}(l, g, M)* Uplift_M$

Biểu mẫu 15 - Mẫu xác nhận các sự kiện trong thị trường điện

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢNG XÁC NHẬN SỰ KIỆN THÁNG M NĂM N

NHÀ MÁY ĐIỆN: TÊN NHÀ MÁY ĐIỆN

Bảng 1. BẢNG XÁC NHẬN LẦN KHỞI ĐỘNG ĐƯỢC THANH TOÁN CHI PHÍ KHỞI ĐỘNG

Tổ máy/ lò máy	Lý do ngừng tổ máy/ lò máy	Thời điểm hoàn thành lệnh ngừng tổ máy/ lò máy		Thời điểm khởi động		Thời điểm hoàn thành lệnh khởi động			Nhiên liệu	Cấu hình	Ghi chú
		Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)				

Bảng 2. BẢNG XÁC NHẬN KHỞI ĐỘNG, NGỪNG MÁY ĐỂ KHÔNG TÍNH SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂNG PHÁT SAI KHÁC SO VỚI LỆNH ĐIỀU ĐỘ

Tổ máy	Thời điểm lệnh ngừng máy hoặc lệnh thay đổi công suất về 0		Thời điểm hoàn thành lệnh ngừng máy		Thời điểm hoàn thành lệnh khởi động		Thời điểm tổ máy đạt lệnh điều độ hoặc đạt công suất phát ổn định thấp nhất		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 3. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY CHẠY THÍ NGHIỆM

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Cấu hình	Tỷ lệ % không phải nhiên liệu chính	Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)			

Bảng 4. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY TUABIN KHÍ TẠM THỜI GIÁN TIẾP THAM GIA THỊ TRƯỜNG ĐIỆN THEO YÊU CẦU CỦA NSMO

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 5. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY ĐÃ CÓ KẾ HOẠCH NGỪNG MÁY ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NHƯNG VẪN PHẢI PHÁT CÔNG SUẤT THEO YÊU CẦU CỦA NSMO

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 6. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY TÁCH LƯỚI PHÁT ĐỘC LẬP

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 7. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NỐI LƯỚI KHU VỰC NHẬN ĐIỆN MUA TỪ NƯỚC NGOÀI

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 8. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN PHÁT CÔNG SUẤT LỚN HƠN CÔNG SUẤT CÔNG BỐ TRONG BẢN CHÀO GIÁ LẬP LỊCH CHU KỲ TỚI THEO YÊU CẦU CỦA NSMO

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 9. BẢNG XÁC NHẬN THỜI GIAN TỔ MÁY BỊ SỰ CỐ KÉO DÀI QUÁ 72 GIỜ

Tổ máy	Thời điểm đắt đầu sự cố		Thời điểm kết thúc sự cố		Ghi chú
	Ngày	Giờ	Ngày	Giờ	
	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	

Bảng 10. BẢNG XÁC NHẬN THỜI GIAN TỔ MÁY SỬA CHỮA KÉO DÀI SO VỚI KẾ HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Tổ máy	Thời điểm tổ máy bắt đầu tách ra sửa chữa theo kế hoạch		Thời điểm tổ máy kết thúc sửa chữa theo kế hoạch		Thời điểm tổ máy bắt đầu tách ra sửa chữa theo thực tế		Thời điểm tổ máy kết thúc sửa chữa theo thực tế		Ghi chú
	Ngày	Giờ	Ngày	Giờ	Ngày	Giờ	Ngày	Giờ	
	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	

Bảng 11. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY ĐIỆN VẬN HÀNH TRONG THỜI GIAN THIẾU NHIÊN LIỆU

Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 12. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SỬ DỤNG BẢN CHÀO GIÁ ĐẶC BIỆT DO CÓ MỰC NƯỚC HỒ CHỨA THẤP HƠN MỰC NƯỚC GIỚI HẠN TUẦN

Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 13. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY PHÁT HOẶC NHẬN CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG TRONG CHẾ ĐỘ CHẠY BÙ ĐỒNG BỘ

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 14. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM TỔ MÁY THAM GIA DỊCH VỤ ĐIỀU KHIỂN TẦN SỐ THỨ CẤP THEO CHỈ ĐỊNH CỦA NSMO

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	

Bảng 15. BẢNG XÁC NHẬN THỜI ĐIỂM VẬN HÀNH CHU TRÌNH ĐƠN

Tổ máy	Thời điểm đắt đầu		Thời điểm kết thúc		Ghi chú
	Ngày	Giờ	Ngày	Giờ	
	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	(dd-mm-yyyy)	(hh:mm)	

Bảng 16. BẢNG XÁC NHẬN CHUYỂN ĐỔI NHIÊN LIỆU

Tổ máy	Cấu hình	Chế độ chuyển đổi	Thời điểm bắt đầu chuyển đổi		Thời điểm hoàn thành lệnh chuyển đổi		Thời điểm bắt đầu ngừng chế độ chuyển đổi		Thời điểm kết thúc chuyển đổi hoặc ngừng máy		Tỷ lệ % không phải nhiên liệu chính	Ghi chú
			Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)		

Đơn vị phát điện cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Hồ sơ xác nhận sự kiện.

..., ngày..... tháng..... năm.....
ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN
(Ký và đóng dấu)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
ĐƠN VỊ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN VÀ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN
(Ký và đóng dấu)

Biểu mẫu 16 - Khoản thanh toán sai khác trong hợp đồng mua bán điện

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bảng 1. BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG TOÀN PHẦN ÁP DỤNG CHO ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN THÁNG M

Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	...
01/.../...																								
02/.../...																								
03/.../...																								
04/.../...																								
.....																								
29/.../...																								
30/.../...																								
31/.../...																								

..., ngày..... tháng..... năm.....
ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN
(Ký và đóng dấu)

Bảng 2. BẢNG TỔNG HỢP KHOẢN THANH TOÁN SAI KHÁC TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN THÁNG M

Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	...	Tổng
01/.../...																									
02/.../...																									
03/.../...																									
.....																									
31/.../...																									
Tổng																									

..., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

(Ký và đóng dấu)

Biểu mẫu 17 - Thông tin vận hành

Bảng 1. BẢNG THÔNG BÁO NGỪNG MÁY DO SỰ CỐ

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Nội dung	Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)		

Bảng 2. BẢNG THÔNG BÁO NGỪNG MÁY SỬA CHỮA THEO KẾ HOẠCH

Tổ máy	Thời điểm bắt đầu		Thời điểm kết thúc		Nội dung	Ghi chú
	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)	Ngày (dd-mm-yyyy)	Giờ (hh:mm)		

Đơn vị phát điện cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin về vận hành của nhà máy.

..., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN VỊ PHÁT ĐIỆN

(Ký và đóng dấu)

Biểu mẫu 18 - Đăng ký tài khoản truy cập hệ thống thông tin

CÔNG TY..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

..., ngày ... tháng... năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ CẤP TÀI KHOẢN NGƯỜI DÙNG TRUY CẬP CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Kính gửi: Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia

Đơn vị đăng ký: Công ty .....

Điện thoại : .....; Fax:.....; Email: .....

Đề nghị Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện) cấp quyền truy cập cho các tài khoản có mục đích sử dụng đăng ký dưới đây truy cập hệ thống thông tin thị trường.

STT	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	Xem thông tin vận hành hệ thống trên trang web	Trang web công bố các thông tin công khai đại chúng về hệ thống điện và thị trường điện tới người dùng và phục vụ trao đổi thông tin vận hành hệ thống giữa Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị.
2	Công bố thông tin vận hành hệ thống trên trang web	
3	Xem thông tin vận hành thị trường trên trang web	Trang web phục vụ chào giá và trao đổi thông tin nội bộ thị trường điện giữa Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị.
4	Công bố thông tin thị trường điện, chào giá qua trang web và chào giá qua đường FTP.	

Chúng tôi xin cam đoan sẽ sử dụng các thông tin và dịch vụ trên hệ thống thông tin thị trường theo đúng quy định hiện hành về thị trường điện và Luật Điện lực. Nếu sử dụng sai quy định chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 19 - Đăng ký cấp lại tài khoản truy cập hệ thống thông tin

CÔNG TY..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

..., ngày ... tháng... năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ CẤP LẠI TÀI KHOẢN NGƯỜI DÙNG TRUY CẬP CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Kính gửi: Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia

Đơn vị đăng ký: Công ty.....

Điện thoại : .....; Fax:.....; Email:.....

Đề nghị Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện) cấp lại quyền truy cập cho các tài khoản có mục đích sử dụng đăng ký dưới đây truy cập hệ thống thông tin thị trường

Lý do cấp lại:.....;

STT	Mục đích sử dụng	Tên tài khoản
1	Xem thông tin vận hành hệ thống trên trang web	
2	Công bố thông tin vận hành hệ thống trên trang web	
3	Xem thông tin vận hành thị trường trên trang web	
4	Công bố thông tin thị trường điện, chào giá qua trang web và chào giá qua đường FTP.	

Chúng tôi xin cam đoan sẽ sử dụng các thông tin và dịch vụ trên hệ thống thông tin thị trường theo đúng quy định hiện hành về thị trường điện và Luật Điện lực. Nếu sử dụng sai quy định chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phần dành cho Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia

Đơn vị được cấp tài khoản:.....

Ngày cấp tài khoản:...../...../..... (dd/mm/yyyy)

Đồng ý cấp quyền truy cập cho các tài khoản đăng ký như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Tên tài khoản	Mật khẩu
1	Xem thông tin vận hành hệ thống trên trang web		
2	Công bố thông tin vận hành hệ thống trên trang web		
3	Xem thông tin vận hành thị trường trên trang web		
4	Công bố thông tin thị trường điện, chào giá qua trang web và chào giá qua đường FTP.		

Lưu ý: Đổi mật khẩu tại lần truy cập đầu tiên.

Ghi chú:.....

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 20 - Đăng ký tài khoản truy cập cổng thông tin điện tử đăng ký sửa chữa nguồn/lưới điện

CÔNG TY ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

..., ngày ... tháng... năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ CẤP TÀI KHOẢN NGƯỜI DÙNG TRUY CẬP CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN ĐĂNG KÝ SỬA CHỮA NGUỒN/LƯỚI ĐIỆN

Kính gửi: Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia

Đơn vị đăng ký: Công ty.....

Điện thoại : .....; Fax:.....; Email:.....

Đề nghị Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện) cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử cho các cán bộ theo danh sách sau:

STT	Họ tên	Phòng, chức vụ	Quyền (lập phiếu/ gửi NSMO)	Chữ ký	Số di động	Địa chỉ email
1						
2						
3						

Chúng tôi xin cam đoan sẽ sử dụng Cổng thông tin điện tử theo đúng các quy định hiện hành. Nếu sử dụng sai quy định chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phần dành cho Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia

Đơn vị được cấp tài khoản:.....

Ngày cấp tài khoản:...../...../..... (dd/mm/yyyy)

Đồng ý cấp quyền truy cập cho các tài khoản đăng ký như sau:

STT	Họ tên	Phòng, chức vụ	Tên đăng nhập	Mật khẩu	Quyền
1					
2					
3					

Lưu ý: Đổi mật khẩu tại lần truy cập đầu tiên.

Ghi chú:.....

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 21 - Đăng ký tài khoản người dùng truy cập hệ thống quản lý mệnh lệnh điều độ (DIM)

CÔNG TY..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

..., ngày ... tháng... năm...

PHIẾU ĐĂNG KÝ CẤP TÀI KHOẢN NGƯỜI DÙNG TRUY CẬP HỆ THỐNG QUẢN LÝ MỆNH LỆNH ĐIỀU ĐỘ (DIM)

Kính gửi: Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia

Đơn vị đăng ký: Công ty.....

Điện thoại : .....; Fax:.....; Email: .....

Thông tin cài đặt:

STT	Máy tính	Thông tin chi tiết
1	Máy chủ cơ sở dữ liệu	IP:..... Tên Cơ sở dữ liệu:.....
2	Máy trạm cài DIM operator	IP:..... ComputerID:.....

Đề nghị Quý Công ty cấp tài khoản truy cập hệ thống quản lý mệnh lệnh điều độ (DIM) cho các Trưởng ca của Đơn vị theo danh sách sau:

STT	Họ tên	Phòng, chức vụ	Quyền (Thực thi/Xem)
1			
2			
3			

Chúng tôi xin cam đoan sẽ sử dụng hệ thống DIM theo đúng các quy định hiện hành. Nếu sử dụng sai quy định chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phần dành cho Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia

Đơn vị được cấp tài khoản:.....

Ngày cấp tài khoản:...../...../..... (dd/mm/yyyy)

Đồng ý cấp quyền truy cập cho các tài khoản đăng ký như sau:

STT	Họ tên	Phòng, chức vụ	Tên đăng nhập	Mật khẩu	Quyền
1					
2					
3					

Lưu ý: Đổi mật khẩu tại lần truy cập đầu tiên.

Ghi chú:.....

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)